



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**  
**BKG VIET NAM INVESTMENT JOINT**  
**STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Số: 07/2025/CBTT  
No.: 07/2025/CBTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2025  
Ha Noi, April 01, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi/To:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Committee
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Viet Nam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh City Stock Exchange

Công ty/Name of organization:

Công ty Cổ phần Đầu Tư BKG Việt Nam/BKG Viet Nam Investment  
Joint Stock Company

Mã chứng khoán/Stock code:

BKG

Địa chỉ/Address:

Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn  
Khê, Phường La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam/ 4th Floor,  
HPC Landmark 105 Building, To Huu Street, Van Khe Urban Area,  
La Khe Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam

Điện thoại/Tel:

(024) 2283.2468

Người công bố thông tin/ Spokesman:

Đặng Phước Đức

Chức vụ/Position:

Trưởng ban Kiểm soát/Head of Board of Supervisors

**Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:**

- Báo cáo thường niên 2024/ Annual report 2024

Thông tin này được công bố trên website của BKG VIỆT NAM vào ngày 01/04/2025 tại trang web:  
<http://bkgvietnam.com> Chuyên mục: **Quan hệ cổ đông/công bố thông tin**

*This informationn was published on the company's website on April 01, 2025, as in the link*  
<http://bkgvietnam.com>. Category: **Investor Relations/Information Disclosure**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước  
pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true  
and correct and we bear the full responsibility to the law





**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/*As above*;
- HĐQT/BOD;
- TGĐ/CEO;
- Ban kiểm soát/BOS;
- Lưu/Archives: Văn phòng/HO.

**Đính kèm/Attached file:**

- Báo cáo thường niên/ *Annual report 2024*

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE**  
**INFORMATION**



**DANG PHUOC ĐỨC**  
**DANG PHUOC DUC**





**BKG** VIETNAM

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**

Công ty cổ phần đầu tư BKG Việt Nam



Tầng 4 tòa nhà HPC Landmark 105,  
Tổ Hữu, P. La Khê, Hà Đông, Hà Nội



**024 2283 2468**

## NỘI DUNG CHÍNH

## Thông tin tổng quan

- Thông tin chung
- Văn hóa doanh nghiệp
- Những dấu ấn trong quá trình hình thành phát triển
- Các đơn vị thành viên năm 2024
- Các chứng chỉ đạt được
- Các rủi ro trong hoạt động
- Mô hình tổ chức và bộ máy quản lý

## Quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban Giám đốc
- Ban Kiểm soát
- Quy mô nhân sự
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH

## Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

- Kết quả sản xuất kinh doanh
- Kế hoạch và giải pháp thực hiện
- Báo cáo tác động đến môi trường
- Một số hoạt động đối với xã hội
- Một số hoạt động đối với CBCNV

## Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

- Đánh giá chung hoạt động của Công ty năm 2024
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024
- Kế hoạch của HĐQT năm 2024

## Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

## Một số sản phẩm, dự án tiêu biểu

## Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2024



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| Từ, cụm từ           | Ngữ nghĩa                                                          |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Công ty/BKG Việt Nam | : Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam                              |
| BCTC                 | : Báo cáo tài chính                                                |
| HĐQT                 | : Hội đồng quản trị                                                |
| BKS                  | : Ban Kiểm soát                                                    |
| CBCNV                | : Cán bộ công nhân viên                                            |
| CP                   | : Cổ phần                                                          |
| CTCP                 | : Công ty cổ phần                                                  |
| Điều lệ Công ty      | : Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam |
| CNĐKDN               | : Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp                                  |
| ĐHĐCĐ                | : Đại hội đồng cổ đông                                             |
| TNDN                 | : Thu nhập doanh nghiệp                                            |
| HOSE                 | : Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh                         |
| SXKD                 | : Sản xuất kinh doanh                                              |

Thông điệp chủ tịch HĐQT

## PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và tập thể cán bộ công nhân viên của **BKG Việt Nam**!

Thay mặt **BKG Việt Nam**, tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe, thành công đến Quý vị.

Năm 2024, mặc nền kinh tế và chính trị ở Việt Nam lẫn trên thế giới vẫn còn nhiều bất ổn, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, đối với BKG Việt Nam vẫn có những sự tăng trưởng ổn định và bền vững

Trong năm 2024, các hoạt động của **BKG Việt Nam** có thể tóm gọn như sau:

- **Hoạt động thiết kế, lắp đặt, sản xuất nội ngoại thất trong nước và xuất khẩu:** Kí kết được thêm nhiều Hợp đồng mới, trong đó có Khách hàng giá trị lên đến hàng triệu USD và dự kiến năm 2025 sẽ còn thêm nhiều đơn hàng xuất khẩu khác có giá trị lớn. Doanh thu năm 2024 tăng 55% so với năm 2023.



- **Nông nghiệp:** sản phẩm Cam Cao Phong của **BKG Việt Nam** trong năm 2024 vẫn tiếp tục được khách hàng đánh giá rất cao về chất lượng, đặc biệt đảm bảo an toàn sức khỏe. Do không sử dụng thuốc trừ sâu và các chất bảo quản.
- **Bất động sản và đầu tư:** hai dự án lớn của **BKG Việt Nam** là “Tổ hợp nhà máy sản xuất Gỗ BKG Việt Nam” rộng 24ha và dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Jade De MAICHAU – The Legends đang được triển khai đến các giai đoạn pháp lý cuối cùng, để đi vào triển khai xây dựng. Trong năm 2025, dự án “Tổ hợp nhà máy sản xuất Gỗ BKG Việt Nam” dự kiến sẽ được xây dựng.

Để đạt được những thành tựu nêu trên, là nhờ vào sự lãnh đạo của Ban điều hành **BKG Việt Nam** cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên đầy nhiệt huyết.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến các Cổ đông, nhân viên của BKG Việt Nam, Khách hàng và các Cơ quan đã đồng hành cùng **BKG Việt Nam** trong giai đoạn khó khăn vừa qua.

Chủ tịch HĐQT



Trần Công Thành

## THÔNG TIN TỔNG QUAN



### Thông tin chung

|                |                                                                                                                                       |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên tiếng Việt | : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM                                                                                                 |
| Tên tiếng Anh  | : BKG VIET NAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY                                                                                         |
| Logo           | :  <b>BKG VIETNAM</b>                                |
| Trụ sở chính   | : Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội                          |
| Điện thoại     | : 024.2283.2468                                                                                                                       |
| Website        | : <a href="http://bkgvietnam.com">http://bkgvietnam.com</a>                                                                           |
| Email          | : <a href="mailto:info@bkgvietnam.com">info@bkgvietnam.com</a>                                                                        |
| Giấy CNĐKDN số | : 0106935814 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015, thay đổi lần 10 ngày 23 tháng 07 năm 2024. |

### Thông tin Niêm yết

|                      |                                                   |
|----------------------|---------------------------------------------------|
| Mã cổ phiếu          | : BKG                                             |
| Ngày niêm yết        | : 31/12/2020                                      |
| Vốn điều lệ thực góp | : 716.090.200.000 đồng (Tại thời điểm 31/12/2024) |

### TRIẾT LÝ KINH DOANH

Gửi gắm niềm tự hào trong từng sản phẩm

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Thiết kế, Sản xuất, thương mại nội ngoại thất, ván ghép thanh (ngành nghề chính)  
Bất động sản; Nông nghiệp

### ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

Nội địa và xuất khẩu (Châu Âu, Châu Úc, Châu Á)

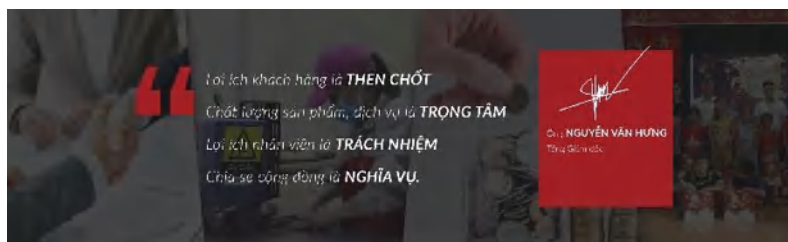
### ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trở thành tập đoàn đa ngành: đơn vị sản xuất nội ngoại thất lớn nhất miền Bắc, phát triển các dự án BĐS mang dấu ấn riêng.



## VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

BKG Việt Nam là tập đoàn đa ngành hoạt động trong các lĩnh vực: sản xuất và thương mại đồ gỗ nội, ngoại thất, ván ép, ván ghép thanh, thực phẩm sạch, đầu tư, bất động sản...nhằm tạo dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn cho toàn thể CBCNV, các cổ đông và cộng đồng chung.



Sự tin cậy, tầm nhìn, tính sáng tạo, năng động, niềm tự hào và sự lớn mạnh không ngừng của đội ngũ nhân viên là những yếu tố cốt lõi làm nền tảng tạo ra sản phẩm và dịch vụ ích lợi. Vì vậy, nét văn hóa doanh nghiệp luôn được BKG Việt Nam đề cao và chú trọng đó là sự tin tưởng, tôn trọng, trách nhiệm và tinh thần hợp tác:

### Tin tưởng lẫn nhau

Sự tin tưởng là yếu tố thiết yếu trong việc thiết lập các mối quan hệ và điều này cũng luôn được gắn liền với mọi hoạt động trong quá trình sản xuất, kinh doanh của BKG Việt Nam.

### Tôn trọng lẫn nhau

Mỗi cá nhân tự trọng và xứng đáng nhận được sự tôn trọng của mọi người, bất kể họ ở vị trí nào trong tổ chức. Đây là một giá trị được tất cả các thành viên trong Công ty tôn vinh và gìn giữ.

### Có trách nhiệm

Mỗi thành viên có trách nhiệm hoàn thành công việc đã được giao phó hoặc cam kết. Để đáp lại, mỗi thành viên sẽ có thể sử dụng các nguồn tài nguyên, công cụ và được tham gia các buổi huấn luyện cần thiết để có thể thành công trong công việc. Các cá nhân phải thường xuyên tạo lập những cam kết và phấn đấu để thực hiện những cam kết đó. Ngoài ra, hành động của mỗi cá nhân cũng là một cam kết cho sự thành công của BKG Việt Nam nói chung và của từng thành viên nói riêng.

### Hợp tác

Mục tiêu kinh doanh đạt được một cách tốt nhất khi tất cả mọi người cùng phối hợp làm việc. BKG Việt Nam luôn lấy con người làm trung tâm, sẵn sàng lắng nghe và chia sẻ. Đồng thời, chúng tôi coi sự đa dạng là khởi nguồn của sự sáng tạo và phát triển bền vững

### TẦM NHÌN

Phát triển BKG Việt Nam thành doanh nghiệp chuyên sản xuất và cung ứng sản phẩm đồ gỗ nội – ngoại thất hàng đầu Việt Nam và phát triển tới quy mô Doanh nghiệp đa ngành nghề dựa trên nền tảng của sự sáng tạo, công nghệ, phát triển bền vững, vì lợi ích cộng đồng.

### SỨ MỆNH

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả với tinh thần **“Đoàn kết là sẻ chia”** dưới mái nhà chung BKG Việt Nam. Tạo ra những sản phẩm tiện ích, chất lượng, an toàn cho người sử dụng, thân thiện với môi trường sống.

Phát triển bền vững vì quyền lợi của tập thể CBCNV, lợi ích của cổ đông, và trách nhiệm với cộng đồng.

## Những dấu ấn trong Quá trình hình thành phát triển

*Hơn 10 năm thành lập và phát triển...*

### Năm 2015

- Thành lập Công ty (Tiền thân là Công ty Cổ phần thiết bị DTA)

### Năm 2016

- Mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nội thất

### Năm 2017

- Tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ, đầu tư vào hai Công ty con chuyên về lĩnh vực sản xuất nội thất: Công ty Cổ phần Gỗ BKG và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home

### Năm 2018

- Đổi tên thành Công ty cổ phần đầu tư BKG Việt Nam.
- Sở hữu thêm Công ty con: Công ty cổ phần thực phẩm Lành Mai Châu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp gồm 10 ha trồng Cam tại Cao Phong và 35 ha tại Mai Châu, Hòa Bình
- Tăng vốn điều lệ lên 320 tỷ đồng

### Năm 2019

- Được chấp thuận chủ trương dự án đầu tư: “TỔ HỢP NHÀ MÁY GỖ BKG VIỆT NAM” quy mô 24,2 ha

### Năm 2020

- Được chấp thuận chủ trương dự án đầu tư: “Trồng rừng nguyên liệu bền vững”. Quy mô trên diện tích 50 ha, đảm bảo nguyên liệu đầu vào gỗ keo và bạch đàn cho sản xuất
- Tháng 12 được sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết.

### Năm 2021

- Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương án tăng vốn để đầu tư thêm vào lĩnh vực Bất động sản và thực hiện dự án “Tổ hợp nhà máy gỗ BKG Việt Nam”
- Triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý của dự án “Tổ hợp nhà máy gỗ BKG Việt nam”. Hoàn thành đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án
- Chuẩn bị triển khai dự án “Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Jade De MAICHAU – The Legends”

- Nộp hồ sơ tăng vốn lên 620 tỷ đồng (Đã được UBCK Nhà nước chấp thuận Quý I/2022)

Năm 2022

- Được Ủy ban chứng khoán chấp thuận tăng vốn lên 620.000.000.000 đồng để đầu tư thêm vào lĩnh vực Bất động sản và thực hiện dự án “Tổ hợp nhà máy gỗ BKG Việt Nam”

Năm 2024

- Tăng vốn điều lệ lên 716.090.200.000 VNĐ (Bảy trăm mười sáu tỷ không trăm chín mươi hai nghìn đồng).
- Đầu tư nâng cấp nhà xưởng, máy móc thiết bị hiện đại

Các đơn vị thành viên năm 2024

| STT | Đơn vị thành viên                                       | Vốn điều lệ<br>(tỷ đồng) | Tỷ lệ BKG<br>Kiểm soát | Hoạt động SXKD chính                                          |
|-----|---------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1   | Chi nhánh Công ty – Công ty Cổ phần đầu tư BKG Việt Nam |                          | 100%                   | Sản xuất các sản phẩm từ gỗ                                   |
| 2   | Công ty Cổ phần Gỗ BKG                                  | 100                      | 95%                    | Sản xuất các sản phẩm nội, ngoại thất                         |
| 3   | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home                 | 50                       | 98%                    | Sản xuất các sản phẩm nội, ngoại thất, ván ghép thanh         |
| 4   | Công ty Cổ phần Thực phẩm Lành Mai Châu                 | 75                       | 99%                    | Nông nghiệp                                                   |
| 5   | Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ (*)                         | 50                       | 100%                   | Sản xuất các sản phẩm nội, ngoại thất, ván ghép thanh, ván ép |
| 6   | Công ty Cổ phần Phát triển rừng BKG Độc Lập             | 50                       | 80%                    | Trồng và khai thác rừng                                       |
| 7   | Công ty CP Jade De Mai Châu                             | 300                      | 49%                    | Bất động sản                                                  |

## CÁC CHỨNG CHỈ ĐẠT ĐƯỢC

## CHỨNG NHẬN FSC®

Công ty cổ phần gỗ BKG – đơn vị thành viên thuộc hệ thống BKG Việt Nam đã vinh dự đạt được chứng nhận FSC®-STD-40-004 V3-1, SGS HK -COC -370312 sau một thời gian dài cố gắng trong việc hoàn thiện hệ thống của mình để phù hợp với các tiêu chuẩn quản lý quốc tế.

Chứng nhận này cũng đồng thời là một trong những bằng chứng cho lời cam kết của BKG Việt Nam về sự phát triển bền vững, thể hiện sự vượt trội hơn so với các đối thủ cạnh tranh, giúp nâng cao hình ảnh của BKG Việt Nam trong mắt các đối tác, khách hàng.

Và những nỗ lực này sẽ tiếp tục được duy trì, đẩy mạnh hơn nữa để BKG Việt Nam chinh phục những mục tiêu mới, thách thức mới trên còn đường phát triển bền vững của mình; Duy trì tính hiệu lực, thúc đẩy nhận thức ngày càng cao trong toàn hệ thống về chất lượng, an toàn, trách nhiệm xã hội... để đạt được những giá trị mới trong thời đại mới

Certificate SGS HK-COC-370312

The Organization

**BKG WOOD JOINT STOCK COMPANY**

Head Office: No. 87, Alley 12, Quang Trung Street, Quang Trung Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam

has been assessed and certified as meeting the requirements of  
**FSC™ Chain-of-Custody**

The company was assessed against the following standards  
FSC-STD-40-004 V3-1 – Chain of Custody Certification  
FSC-STD-50-001 Requirements for use of the FSC trademarks by Certificate Holders

for the products detailed in the scope below:

Purchase of FSC 100% logs and sawn timber; Manufacture and Sales of FSC 100% sawn timber, indoor furniture (cabinet, tables, beds, chairs, parts of furniture, shelves) and engineered wood products (finger jointed wood and glued laminated timber) and Outdoor furniture and gardening (Garden tables, Garden benches, Garden chairs and stools, Hammocks and hammock frames, Trellis and plant support, Shelters and parasols, Fences, fence stakes, pales, Decking and garden sleepers, Other outdoor furniture and gardening products) (transfer system).

This certificate is valid from 20 May 2024 until 07 January 2025 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.  
Issue 3, Certified since 08 January 2020



Authorised by  
Ben Tsang  
SGS Hong Kong Limited  
Units 303 & 305, 3/F., Building 22E, Phase 3, Hong Kong Science Park, New Territories, Hong Kong  
t +852(2334 4481 - www.sgs.com

The validity of this certificate shall be verified on <https://search.fsc.org>. For the full list of product groups covered by the certificate see <https://search.fsc.org>. This certificate itself does not constitute evidence that a particular product supplied by the certificate holder is FSC-certified for FSC Controlled Wood. Products offered shipped or sold by the certificate holder can only be considered covered by the scope of this certificate when the required FSC claim is clearly stated on sales and delivery documents. The certificate remains the property of SGS. The certificate and all copies or reproductions shall be returned or destroyed if requested by SGS.

This document is an authentic electronic certificate for Client business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or fabrication of the content or appearance of this document is unlawful.

Page 1 / 1

## CHỨNG NHẬN BSCI

Với mục tiêu và mong muốn chứng minh rằng, sự bền vững về xã hội và đạo đức kinh doanh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trên bước đường phát triển của mình, bằng sự đoàn kết và nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể CBCNV. Công ty Cổ phần gỗ BKG – đơn vị thành viên, trực thuộc hệ thống BKG Việt Nam chính thức đạt Chứng nhận BSCI trong kinh doanh.

BSCI (Business Social Compliance Initiative – Bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh) ra đời năm 2003 từ đề xuất của Hiệp hội Ngoại thương (FTA) với mục đích thiết lập một diễn đàn chung cho các quy tắc ứng xử và hệ thống giám sát ở châu Âu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Khi ký kết tuân thủ theo Bộ Quy tắc Ứng Xử BSCI nghĩa là trong phạm vi ảnh hưởng của mình BKG Việt Nam cam kết thừa nhận các tiêu chuẩn về xã hội và môi trường qui định trong Bộ Quy tắc Ứng xử này và đảm bảo trong các chính sách của mình sẽ có các biện pháp phù hợp để triển khai thực hiện và tuân thủ.

Ngoài ra, các đối tác cung ứng phải đảm bảo Bộ Quy tắc Ứng xử này cũng sẽ được tuân thủ bởi các nhà thầu phụ của mình có tham gia trong các quy trình sản xuất từ các giai đoạn bắt đầu cho đến khi sản phẩm được hoàn thành.

Đạt tiêu chuẩn qua kỳ đánh giá Amfori BSCI sẽ mở ra thêm nhiều cơ hội để BKG Việt Nam quảng bá, và đưa những sản phẩm của mình vươn tầm quốc tế.

Tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử BSCI như một lời tuyên thệ, là bằng chứng chân thực và sắc nét, rằng, BKG Việt Nam là doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh có đạo đức nghề nghiệp, luôn quan tâm và có trách nhiệm với Người lao động, Môi trường và Xã hội; Đồng thời, sẽ duy trì và củng cố niềm tin của khách hàng và đối tác đã trao gửi; Khẳng định, những sản phẩm sản xuất tại Gỗ BKG ngày càng được theo những tiêu chuẩn đã được cam kết.



## Monitoring summary report for Indoor Furniture factory - BKG WOOD JOINT STOCK COMPANY

MONITORING ID: 24-0259208



|                                                                               |                                             |                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Monitored Party<br>Indoor Furniture factory - BKG<br>WOOD JOINT STOCK COMPANY | amfori ID<br>704-001760-000                 | Address<br>Km31, 6A National Road, Dong<br>Son Industrial Area, Dong Son<br>Commune, Chuong My District,<br>Ha Noi City, Ha Noi City, Ha Noi,<br>Vietnam |
| Monitoring Activity<br>amfori Social Audit -<br>Manufacturing                 | Monitoring Type<br>Full Monitoring          | Monitoring Partner<br>Intertek                                                                                                                           |
| Monitoring Start Date<br>14/06/2024                                           | Closing Meeting Finished Date<br>02/07/2024 | Submission Date<br>02/07/2024                                                                                                                            |
| Expiration Date<br>02/07/2026                                                 | Announcement Type<br>Semi Announced         |                                                                                                                                                          |
| Site<br>Indoor Furniture factory - BKG<br>WOOD JOINT STOCK COMPANY            | Site amfori ID<br>704-001760-001            |                                                                                                                                                          |

This is an extract of the online Monitoring Result, generated on 02/07/2024, and is only valid as an acknowledgement of the result. To see all the details, review the full monitoring result, which is available on the [amfori Sustainability Platform](#) - The English version is the legally binding one.

amfori does not assume any liability with regard to the compliance of this extract, or any versions of this extract, with the Regulation (EU) 2016/679 (General Data Protection Regulation).

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, translated, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, be lent, re-sold, hired out or otherwise circulated without the amfori consent. © amfori, 2021

## OVERALL RATING



## Các rủi ro trong hoạt động

Là một đơn vị hoạt động đa ngành nghề, BKG Việt Nam sẽ có nhiều rủi ro dưới tác động các yếu tố khách quan

- Rủi ro kinh tế và chính trị
- Rủi ro về pháp luật
- Rủi ro đặc thù
- Rủi ro khác

### Rủi ro kinh tế và chính trị

Năm 2024, nền kinh tế và chính trị toàn cầu đối mặt với nhiều rủi ro đáng lo ngại. Trên phạm vi thế giới, căng thẳng địa chính trị tiếp tục leo thang, đặc biệt là xung đột ở Ukraine và Trung Đông, gây ảnh hưởng đến giá năng lượng và lạm phát. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc trong lĩnh vực công nghệ, thương mại có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Các ngân hàng trung ương lớn như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể tiếp tục duy trì lãi suất cao, khiến tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại và gia tăng nguy cơ suy thoái.



Tại Việt Nam, nền kinh tế đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động. Xuất khẩu giảm do nhu cầu từ các thị trường lớn như Mỹ, EU suy yếu, trong khi doanh nghiệp trong nước vẫn gặp khó khăn về vốn và chi phí sản xuất. Chính sách tiền tệ thắt chặt ở nhiều quốc gia có thể làm giảm dòng vốn đầu tư vào Việt Nam. Về chính trị, Việt Nam tiếp tục giữ ổn định, nhưng cần theo dõi sát diễn biến khu vực, đặc biệt là vấn đề Biển Đông. Ngoài ra, việc cải cách thể chế, chống tham nhũng và thúc đẩy đầu tư công sẽ là yếu tố then chốt giúp nền kinh tế tăng trưởng bền vững.

### Rủi ro về pháp luật

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.



Vì vậy, để giảm thiểu tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo về pháp lý với các đối tác chiến lược tại các nước sở tại và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

#### Rủi ro đặc thù

Trong quá trình hoạt động, ngoài những rủi ro trên, hoạt động của BKG Việt Nam còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù như rủi ro về vùng nguyên liệu, rủi ro về thị trường...



#### ❖ Rủi ro về nguyên liệu

Nguyên liệu chủ yếu trong sản xuất đồ nội thất của BKG Việt Nam là gỗ, chiếm 60 – 70% giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động tới lợi nhuận của Công ty.

Đặc tính trồng rừng khai thác gỗ dành cho sản xuất ngành nội thất với chu kỳ đầu tư khá dài. Vì vậy, trong những năm qua, khi nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn về vốn đầu tư trung, dài hạn, ngành trồng rừng của Việt Nam chưa đủ sức thu hút các doanh nghiệp đầu tư, thường xuyên gặp phải tình trạng khai thác non để bán cho ngành công nghiệp giấy, dẫn đến việc thiếu gỗ địa phương cho ngành chế biến và xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ Việt Nam.

### ❖ Rủi ro về thị trường

Hoạt động xuất khẩu sẽ có nhiều yếu tố phụ thuộc vào các điều kiện ngoại quan: chính sách nhập khẩu của nước sở tại khách hàng, chính sách áp thuế nhập khẩu chống bán phá giá, các chính sách thông quan.

### Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, phương tiện vận tải và bảo hiểm con người.



Mặt khác, yếu tố môi trường cũng tác động rất lớn đến nông nghiệp – mảng hoạt động chiếm doanh thu khá lớn của BKG Việt Nam.

## Mô hình tổ chức và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được cơ cấu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế để đạt hiệu quả cao nhất.



### Đại Hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. ĐHĐCD sẽ bầu ra HĐQT của Công ty.

### Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của ĐHĐCD phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT gồm có 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động là 05 (năm) năm.

**Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động không quá 05 (năm) năm. BKS có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

**Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người trực thuộc sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Chức năng các phòng ban khác hoạt động theo chức năng quy định cụ thể của Công ty



## QUẢN TRỊ CÔNG TY



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện tại, HĐQT có 05 (năm) thành viên, chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Các thành viên HĐQT đều là những người có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực kỹ thuật, kinh doanh, điều hành, tài chính.



ÔNG TRẦN CÔNG THÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT

Sinh năm: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

## Kinh nghiệm

Ông là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, quản lý. Người đặt nền móng xây dựng và định hướng hoạt động của BKG Việt Nam trong những năm qua. Trước đó, ông từng có:

- 2 năm là chuyên viên tại Sở xây dựng Hà Tây
- 4 năm làm Kế toán trưởng tại Công ty Vật tư Xây dựng Hà Tây
- 3 năm làm Giám đốc tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đông lạnh Việt Tân – Chi nhánh Hà Nội
- 10 năm làm Giám đốc Điều hành tại Doanh nghiệp tư nhân Thành Tâm
- 3 năm làm Giám đốc tại Công ty TNHH Đông lạnh Phú Cường

## Chức vụ tại tổ chức khác:

- Giám đốc, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Phú Cường
- Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Tây Bắc

**ÔNG NGUYỄN VĂN HƯNG**  
**THÀNH VIÊN HĐQT TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Sinh năm:** 1987

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Kinh nghiệm**

Là một trong những lãnh đạo trẻ thế hệ 8x của BKG Việt Nam, Với kinh nghiệm quản lý về tài chính và hoạt động; điều hành dày dặn, sáng tạo cùng với nhiệt huyết của tuổi trẻ, đầu năm 2019, ông được HĐQT tin tưởng bầu làm Giám đốc điều hành BKG Việt Nam. Trước đó, ông từng có:

- Hơn 9 năm làm tư vấn cao cấp khối khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Ngân hàng Standard Chartered và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)
- 2 năm làm Phó Giám đốc điều hành tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF
- 3 năm làm Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần đầu tư BKG Việt Nam

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Giám đốc, Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ
- Giám đốc, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Lành
- Giám đốc, Công ty cổ phần Alta Land
- Chủ hộ kinh doanh cơ sở chăn nuôi Quang Hưng

**ÔNG DƯƠNG TẤT THẮNG**  
**THÀNH VIÊN HĐQT**

**Sinh năm:** 1979

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Kinh nghiệm:**

Ông là có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh. Với sự am hiểu về thị trường tại Việt Nam, năm 2021 ông được bầu làm thành viên HĐQT để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của BKG Việt Nam. Trước đó, ông đã có:

- 4 năm làm Tổ trưởng kinh doanh máy văn phòng tại Công ty TNHH Nhất Vinh

- 4 năm làm Trưởng Phòng KD tại Công ty Cổ phần Á Long
- 6 năm làm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Mỏ và Xây dựng TST
- 4 năm làm Giám đốc Điều Hành Công ty Cổ phần Đầu tư và thương Mại TST Việt Nam
- 5 năm làm Trợ lý cấp cao tại Công ty Cổ phần TSQ Techco

**ÔNG NGUYỄN QUANG DUY****THÀNH VIÊN HĐQT**

**Sinh năm:** 1980

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Kinh nghiệm:**

Ông có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, điều hành quản lý doanh nghiệp. Ông là người có vai trò lớn trong việc xây dựng văn hóa kinh doanh và phát triển khách hàng cho BKG Việt Nam trong giai đoạn đầu, đặc biệt đối với thị trường xuất khẩu. Trước đó, ông đã có:

- 5 năm làm Trưởng phòng kinh doanh tại Công ty TNHH Tiến Động Là thành viên HĐQT từ năm 2019 – Công ty chuyên xuất khẩu hàng hóa nội ngoại thất
- 3 năm làm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế An Phát
- Ông từng giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế An Phát, hiện nay Ông đang làm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Giám đốc, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF
- Tổng Giám đốc, Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Đất Mẹ - ADAMAH
- Giám đốc, CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LIFELINE
- Giám đốc, CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC HÒA BÌNH

**ÔNG NGUYỄN MINH HẢI****THÀNH VIÊN HĐQT**

Thông tin được nêu tại trang tiếp theo dưới đây

## BAN GIÁM ĐỐC

**ÔNG NGUYỄN VĂN HƯNG**  
THÀNH VIÊN HĐQT TỔNG GIÁM ĐỐC**Sinh năm:** 1987**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế**Kinh nghiệm**

Là một trong những lãnh đạo trẻ thế hệ 8x của BKG Việt Nam, Với kinh nghiệm quản lý về tài chính và hoạt động; điều hành dày dặn, sáng tạo cùng với nhiệt huyết của tuổi trẻ, đầu năm 2019, ông được HĐQT tin tưởng bầu làm Giám đốc điều hành BKG Việt Nam. Trước đó, ông từng có:

- Hơn 9 năm làm tư vấn cao cấp khối khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Ngân hàng Standard Chartered và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)
- 2 năm làm Phó Giám đốc điều hành tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF
- 3 năm làm Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần đầu tư BKG Việt Nam

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Giám đốc, Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ
- Giám đốc, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Lành
- Giám đốc, Công ty cổ phần Alta Land
- Chủ hộ kinh doanh cơ sở chăn nuôi Quang Hưng

**ÔNG NGUYỄN MINH HẢI**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**Sinh năm:** 1982**Trình độ chuyên môn:** kỹ sư

### Kinh nghiệm

Ông là người sáng lập và điều hành Công ty CP thiết bị DTA (tiền thân của BKG Việt Nam). Xuất thân là một kỹ sư, am hiểu các loại máy móc thiết bị, đặc biệt là ngành gỗ nội thất. Đầu năm 2019, ông được HĐQT tin tưởng bầu làm Phó Giám đốc BKG Việt Nam. Ông đã có nhiều đóng góp, đưa ra nhiều ý tưởng trong việc cải tiến, tăng công suất, giảm chi phí trong quá trình sản xuất cho Công ty. Trước đó, ông đã có:

- 7 năm làm Kỹ thuật viên tại Công ty Cổ phần COMA 18
- 4 năm làm Trưởng phòng kế hoạch tại Công ty Cổ phần Phúc Châu An
- 4 năm làm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Thiết bị DTA

### Chức vụ tại tổ chức khác:

- Giám đốc, Công ty Cổ phần Phát triển Rừng BKG Độc Lập
- Giám đốc, CÔNG TY CỔ PHẦN NGHĨ DƯỠNG HÒA BÌNH

## BAN KIỂM SOÁT



**ÔNG ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT,  
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Sinh năm:** 1992

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế, Kiểm toán viên Bộ Tài chính

**Kinh nghiệm:**



Ông Đặng Phước Đức có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kiểm toán độc lập, Kế toán và Kiểm soát. Trước đó, ông đã có:

- 5 năm làm Kiểm toán độc lập
- 3 năm làm kiểm soát viên nội bộ tại BKG Việt Nam

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Không

**ÔNG TẠ QUANG DŨNG**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**



**Sinh năm:** 1990

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Kinh nghiệm:**

Ông có hơn 10 năm trong lĩnh vực Kế toán, dự án và kinh doanh bán hàng, đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát hoạt động, dự án tại BKG Việt Nam. Trước đó, ông đã có:

- 3 năm làm Nhân viên kinh doanh tại Công ty CP TMDV cơ khí Việt Yên
- 2 năm làm Kế toán tại Công ty TNHH MTV du lịch giải trí Thiên Đường Bảo Sơn
- 3 năm làm Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH in và sản xuất tem nhãn Hồ Thịnh Phát
- 3 năm làm Nhân viên dự án, trợ lý giám đốc tại Công ty TNHH MTV tư vấn thiết kế và xây dựng Sen Việt
- 2 năm làm Giám sát bán hàng tại Công ty TNHH Nabati Việt Nam

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Giám đốc, Công ty TNHH MTV đầu tư và TMDV DTM

**BÀ PHAN THỊ THU HÀ**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**



**Sinh năm:** 1971

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Kinh nghiệm**

Bà Phan Thị Thu Hà có hơn 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, tài chính, từng giữ chức vụ Kế toán trưởng của nhiều Công ty, tập đoàn lớn. Trước đó, bà đã có:

- 4 năm làm Kế toán viên tại Công ty Cổ phần Quốc tế Trường Xuân
- 10 năm làm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo
- 2 năm làm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Hà Nội Milk
- 16 năm làm Kế toán trưởng tại Tập đoàn Bảo Sơn

**QUY MÔ NHÂN SỰ**

Tính hết năm 2024, BKG Việt Nam có gần 200 cán bộ, công nhân viên ở các đơn vị thành viên

**Số lượng lao động theo loại hợp đồng lao động**

| STT | Loại hợp đồng                       | Số lượng   | Tỷ lệ       |
|-----|-------------------------------------|------------|-------------|
| 1   | HĐLĐ không xác định thời hạn        | 145        | 75%         |
| 2   | HĐLĐ xác định thời hạn (dưới 1 năm) | 45         | 20%         |
| 3   | HĐLĐ thử việc                       | 11         | 5%          |
|     | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>201</b> | <b>100%</b> |

**Số lượng lao động theo trình độ**

| STT | Trình độ                 | Số lượng |
|-----|--------------------------|----------|
| 1   | Thạc sỹ                  | 1        |
| 2   | Đại học                  | 26       |
| 3   | Cao đẳng- trung cấp      | 3        |
| 4   | Công nhân đã qua đào tạo | 171      |
|     | Tổng cộng                | 201      |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tại 31/12/2024, BKG Việt Nam niêm yết 71.609.020 cổ phiếu tại HOSE, tương ứng vốn điều lệ 716.090.200.000 VNĐ (Bảy trăm mười sáu tỷ không trăm chín mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Trong đó, cổ đông lớn gồm có:

| Cổ đông             | Số cổ phiếu | Tỷ lệ  |
|---------------------|-------------|--------|
| Ông Trần Công Thành | 13.282.500  | 18,55% |
| Ông Nguyễn Văn Hưng | 10.741.500  | 15%    |

Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2024, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức dẫn đến vốn chủ sở hữu tăng lên thành 716.090.200.000 VNĐ

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ. Hiện tại, số lượng cổ phiếu quỹ là 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ

Các chứng khoán khác

Trong năm 2024, Công ty không có các loại chứng khoán khác ngoài cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trên thị trường

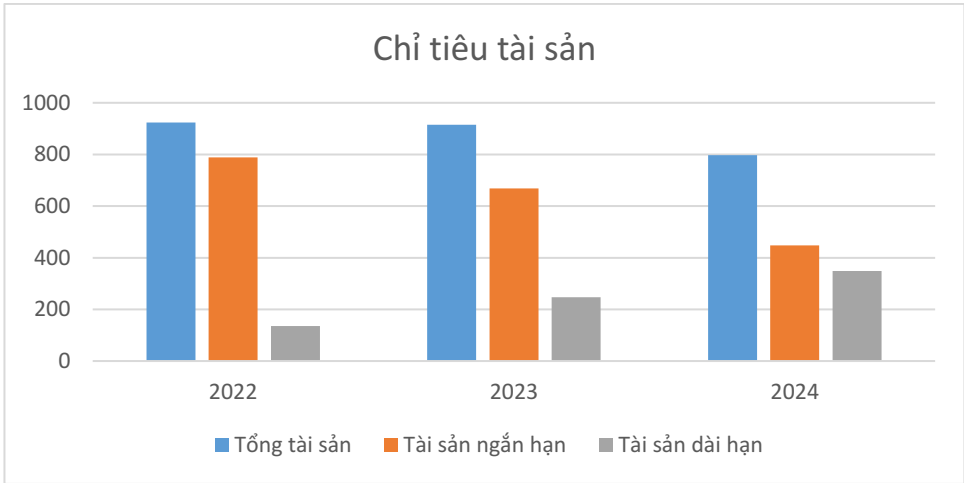
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình tài sản Đvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu         | 2022   | 2023   | 2024  | Năm 2024 so với 2023 |
|------------------|--------|--------|-------|----------------------|
| Tổng tài sản     | 924,32 | 915,42 | 796,7 | Giảm 13%             |
| Tài sản ngắn hạn | 788,46 | 667,91 | 447,9 | Giảm 33,3%           |
| Tài sản dài hạn  | 135,86 | 247,51 | 348,8 | Tăng 41%             |

Báo cáo hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán



Chỉ tiêu tài sản qua các năm

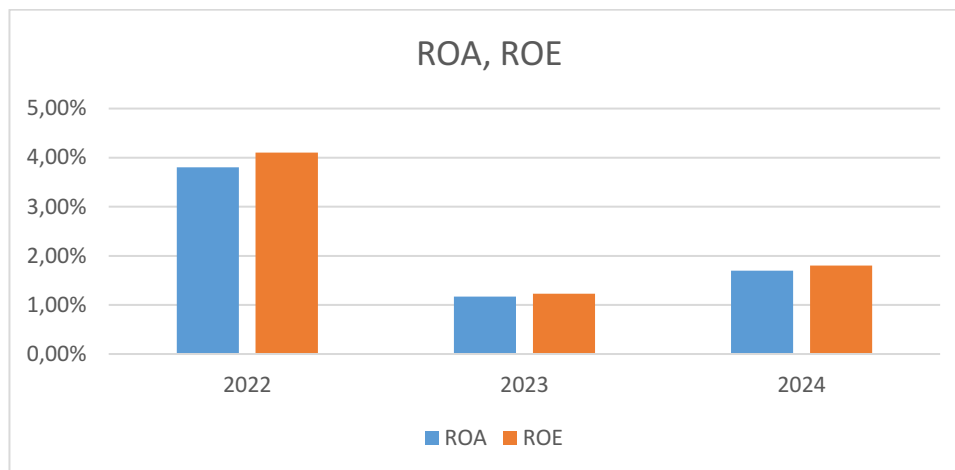
Giá trị tổng tài sản năm 2024 giảm 13% so với năm 2023, chủ yếu là do thoái vốn công ty CP Jade De Mai Châu từ tỷ lệ 51,67% xuống còn 49%. Riêng tài sản dài hạn tăng 41% so với năm 2023, chủ yếu là do Công ty đang thực hiện đầu tư các dự án, tài sản.

Tỷ suất sinh lời của Tài sản, Vốn chủ sở hữu và Doanh thu

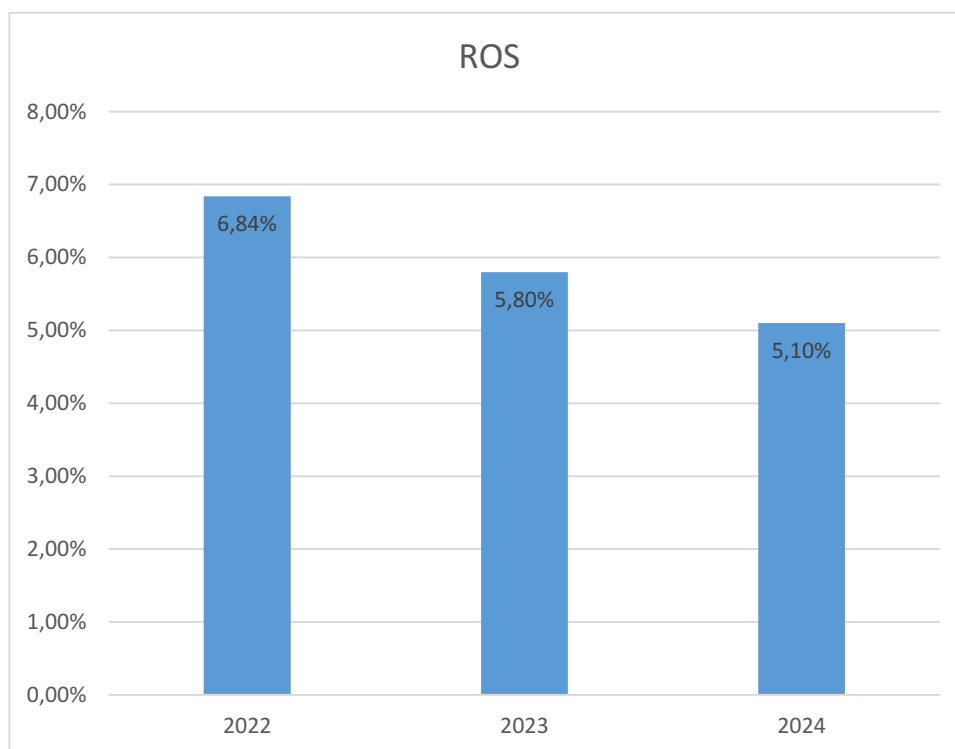
| Chỉ tiêu | 2022  | 2023  | 2024  | Tăng giảm năm 2024 so với 2023 |
|----------|-------|-------|-------|--------------------------------|
| ROA      | 3,80% | 1,17% | 1,70% | Tăng 0,53%                     |
| ROE      | 4,10% | 1,23% | 1,80% | Tăng 0,57%                     |
| ROS      | 6,84% | 5,80% | 5,10% | Giảm 0,70%                     |

Năm 2024, tỷ suất sinh lời của tài sản và vốn chủ sở hữu đều có sự tăng trưởng so với năm 2023 cho thấy hiệu suất sinh lời có sự cải thiện.

Trong đó, chỉ tiêu ROS mặc dù giảm nhưng vẫn ở mức cao là 5,1% phản ánh “chất lượng của doanh thu” thể hiện sự hiệu quả trong công tác quản lý các chi phí của Công ty



*Tỷ suất sinh lời tài sản và vốn chủ sở hữu qua các năm*



*Tỷ suất sinh lời của lợi nhuận/doanh thu*

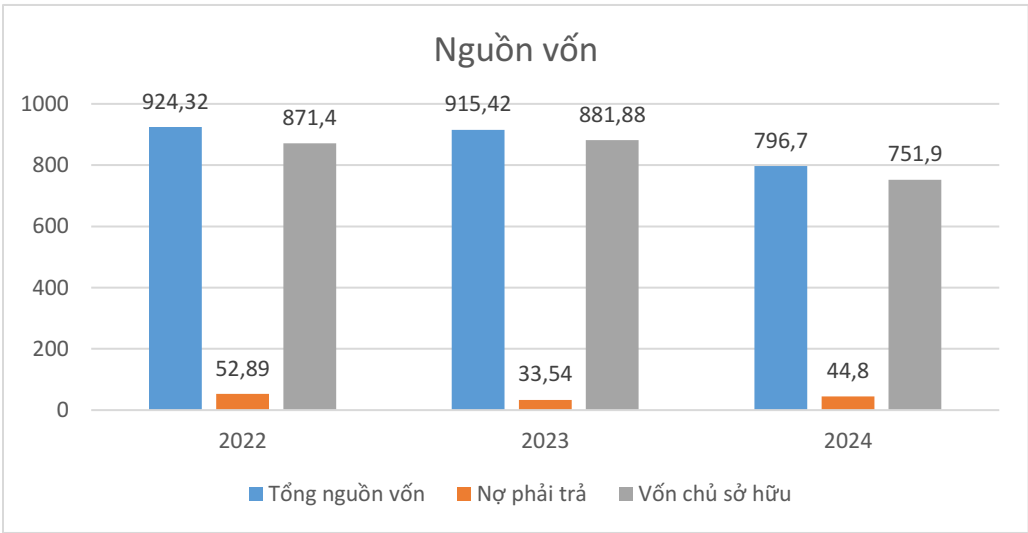
Tình hình nguồn vốn

Đvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu       | 2022   | 2023   | 2024  | Tăng giảm |
|----------------|--------|--------|-------|-----------|
| Tổng nguồn vốn | 924,32 | 915,42 | 796,7 | Giảm 13%  |
| Nợ phải trả    | 52,89  | 33,54  | 44,8  | Tăng 34%  |
| Vốn chủ sở hữu | 871,4  | 881,88 | 751,9 | Giảm 15%  |

As of the end of 2024, the total capital value reached VND 796.7 billion, marking a 13% decrease compared to 2023, primarily due to the divestment of Jade De Mai Chau JSC, which led to a 15% reduction in equity.

Meanwhile, liabilities increased by 34% due to the need for additional working capital to fulfill high-value export orders."



Tình hình nguồn vốn qua các năm

Kết quả kinh doanh

Đvt: tỷ đồng

| STT | CHỈ TIÊU                                     | Năm 2023 | Năm 2024 | %       |
|-----|----------------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1   | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 186,12   | 288,73   | ↑55,13% |
| 2   | Giá vốn hàng bán                             | 161,82   | 260,59   | ↑61,04% |
| 3   | Doanh thu hoạt động tài chính                | 1,7      | 0,86     | ↓49,54% |
| 4   | Chi phí tài chính                            | 1,66     | 1,31     | ↓21,38% |
| 5   | Chi phí bán hàng                             | 3,71     | 2,90     | ↓21,92% |
| 6   | Chi phí quản lý doanh nghiệp                 | 6,46     | 5,38     | ↓16,74% |
| 7   | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            | 13,63    | 18,46    | ↑35,41% |
| 8   | Chi phí thuế TNDN hiện hành                  | 2,86     | 3,59     | ↑25,43% |
| 9   | Lợi nhuận sau thuế TNDN                      | 10,77    | 14,87    | ↑38,06% |

Trong năm 2024, Công ty đã ký kết thêm được nhiều đơn hàng xuất khẩu có giá trị lớn. Do đó Doanh thu thuần tăng mạnh 55,13%, từ 186,12 tỷ lên 288,73 tỷ. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 38,06%, đạt 14,87 tỷ

Trong khi đó, nhờ các biện pháp tiết giảm chi phí nên Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm lần lượt 21,92% và 16,74%,

### KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Dự trên tình hình sản xuất kinh doanh thực tế đạt được, Ban lãnh đạo đặt kế hoạch năm 2025:

**Doanh thu: 318 tỷ**

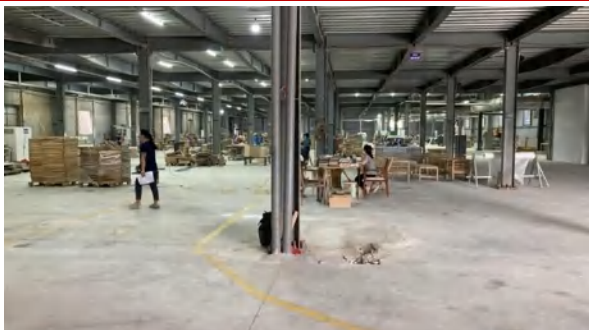
**Lợi nhuận sau thuế: 16 tỷ**

Kế hoạch này sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025



Để đạt được kế hoạch trên, ngay từ cuối năm 2024, BKG Việt Nam đã nhiều lần tiến hành họp Ban Giám đốc để đưa ra những biện pháp phù hợp với từng thời điểm:

### Hoạt động sản xuất



- Nâng cấp cải tạo nhà xưởng tại Km31, QL6A, Đông Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội.



- Đầu tư máy móc thêm thiết bị để công nghiệp hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm
- Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân sản xuất, thợ lắp ráp

## Đầu tư

- Tiếp tục triển khai 2 dự án: “tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam” đưa vào vận hành giai đoạn 1 dự án Tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam
- Triển khai hoàn thiện, đưa vào vận hành các dự án Bất động sản có tỷ suất sinh lời cao



## Thị trường

- Mở rộng thêm thị trường xuất khẩu ở các nước
- Tập trung vào các dự án nội thất cho các công trình lớn tại Miền Bắc và trên cả nước



**BKG** Furniture

## OUTDOOR CATEGORY 2025



## Quản lý

Đào tạo nâng cao năng lực và tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ quản lý của Công ty. Mỗi cấp quản lý đều phải có kế hoạch làm việc chi tiết theo ngày, tuần, tháng, quý và điều chỉnh theo tình hình thực tế. Áp dụng chính sách lương thưởng và trừ lương trách nhiệm để tăng tính chủ động và hiệu quả

công việc. Định kỳ tháng 6 hàng năm, Công ty tổ chức đánh giá lại mức lương nhân viên một cách phù hợp.

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất đồ gỗ, BKG Việt Nam hiểu rõ sự tác động lên môi trường từ hoạt động của mình. Và vì thế, trách nhiệm với môi trường và xã hội cũng là một trong những nhiệm vụ được Ban điều hành BKG Việt Nam quan tâm đặc biệt.

BKG Việt Nam, ủng hộ và nghiêm túc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp với việc tuân thủ những chuẩn mực về bảo vệ môi trường.

*Hoạt động sản xuất kinh doanh của BKG Việt Nam tác động đến môi trường chủ yếu ở những yếu tố sau:*

- **Nguồn nguyên vật liệu**
  - **Tiêu thụ năng lượng**
  - **Tiêu thụ nước**
  - **Bảo vệ môi trường: theo quy định pháp luật**
- Nguồn nguyên liệu chính đầu vào để sản xuất nội thất hiện nay chủ yếu từ gỗ và ván. Ngay từ khâu lựa chọn, xử lý nguyên vật liệu đầu vào, trong quá trình sản xuất và đầu ra đã có những tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chí kỹ thuật và phương pháp xử lý rác thải để đảm bảo yếu tố an toàn và thân thiện với môi trường. Song song với đó, việc đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại các nhà máy, xưởng sản xuất cũng được thực hiện sát sao và hoàn thiện ngay từ khi xây dựng xưởng sản xuất. Quy trình đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh, sức khỏe của CBCNV được củng cố và theo dõi hàng tuần, hàng tháng, hàng quý nhằm tạo ra chế độ phúc lợi tốt nhất cho người lao động. Đối với ván, BKG Việt Nam sử dụng ván đạt tiêu chuẩn chất lượng, có nguồn gốc rõ ràng của các nhà cung cấp trong nước hoặc nhập khẩu. Gỗ tròn được BKG Việt Nam thu mua của các hộ dân có nguồn

gốc hợp pháp, được UBND xã cấp phép khai thác, có chứng chỉ nguồn gốc rừng trồng FSC. Đặc biệt với dự án gần 500ha trồng rừng, ngoài việc đảm bảo nguyên nguyên liệu bền vững, còn giúp bảo vệ môi trường.

**Tiêu thụ năng lượng:** Công ty luôn có những kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp để tối thiểu hóa làm thêm tăng ca, do đó lượng điện năng tiêu thụ trong giờ cao điểm luôn ở mức thấp.

**Tiêu thụ nước:** Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của BKG Việt Nam hiện nay hầu như không gây ra các tác động đến môi trường nước

**Bảo vệ môi trường:** Nhờ áp dụng hệ thống hút bụi và dây chuyền sơn hiện đại, môi trường sản xuất luôn được đảm bảo an toàn. Đặc biệt, trong đánh giá tiêu chuẩn BSCI cho nhà máy, chỉ tiêu “Protection of the Environment” đã được đánh giá điểm B. Đối với hoạt động trong nông nghiệp, các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng đều nằm trong danh mục được cấp phép, đúng liều lượng theo tiêu chuẩn VietGap.

*Từ báo cáo trên, BKG Việt Nam cam kết hoạt động sản xuất kinh doanh không gây ra những tác hại đối với môi trường sinh thái tự nhiên. Toàn thể CBCNV BKG Việt Nam hiểu rõ, tôn trọng môi trường, kinh doanh dựa trên nền tảng bảo vệ môi trường thì các hoạt động kinh doanh đó mới bền vững, hiệu quả và được ủng hộ từ cộng đồng, xã hội.*



*Hệ thống hút bụi hiện đại***MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA BKG VIỆT NAM ĐỐI VỚI XÃ HỘI**

Quỹ “Sharing is unity” của BKG Việt Nam được thành lập năm 2019 nhằm sẻ chia khó khăn cho các cán bộ công nhân viên của Công ty và cộng đồng. Sau hai năm hoạt động, Quỹ “Sharing is unity” không chỉ đem lại nhiều giá trị vật chất mà trên hết là giá trị tinh thần nhân văn.

**MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA BKG VIỆT NAM ĐỐI VỚI CBCNV****CHIẾN LƯỢC CON NGƯỜI**

BKG Việt Nam luôn luôn chú trọng và coi nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá. Vì thế, mọi hoạt động tại BKG Việt Nam đều lấy “Con người” là trọng tâm. Một trong những giá trị mà BKG Việt Nam xây dựng và luôn phát huy đó là môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp và tràn đầy năng lượng.



Ở BKG Việt Nam, không chỉ tiếng nói của quản lý cấp cao mới có trọng lượng, mà từng tiếng nói, từng ý kiến của bất kỳ nhân sự các cấp đều được chú trọng lắng nghe, ghi nhận và

tạo điều kiện để mỗi cá nhân đều có thể phát huy tối đa thế mạnh của mình trong sự phát triển chung của cả Doanh nghiệp.

BKG Việt Nam đã nỗ lực không ngừng trong việc tạo ra một môi trường làm việc, nơi mà mỗi cá nhân trong đó đều thể hiện được sự tôn trọng, tin tưởng nhau, cùng đoàn kết để đạt được những thành quả xuất sắc; Đồng thời, cũng là nơi để mỗi người tìm thấy những niềm vui, những giá trị trong công việc.

Trên cơ sở đó, BKG Việt Nam xác lập mục tiêu tuyển dụng là thu hút và sẵn sàng chào đón tất cả những ứng viên có mong muốn được làm việc, được cống hiến và phát huy tối đa thế mạnh về tay nghề, kỹ năng và kiến thức chuyên môn của mình trong sự phát triển chung.



Nâng cao tôn chỉ **“Đoàn kết là sẻ chia”**, BKG Việt Nam duy trì thường niên những hoạt động cộng đồng nhằm tôn vinh những cá nhân, tập thể NLĐ có thành tích xuất sắc trong công việc; sẻ chia với những hoàn cảnh khó khăn, kết hợp hài hòa giữa lợi ích Doanh nghiệp với lợi ích của cán bộ, người lao động.

Hoạt động hướng dẫn, đào tạo nguồn lực nhân sự nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cũng luôn được BKG Việt Nam chú trọng.

Đây không chỉ là nhiệm vụ riêng của bộ phận Nhân sự mà là trách nhiệm của mỗi cá nhân tại BKG Việt Nam. Đặc biệt, với sự chuyên tâm của mình, các cán bộ thuộc Ban điều hành BKG Việt Nam luôn gắn kết, đồng sức, đồng lòng, cam kết cùng tham gia nhiệm vụ hoạch định và phát triển nhân sự, cùng tạo ra môi trường làm việc với hiệu quả cao nhất.

### **TẶNG QUÀ NHÂN CÁC NGÀY LỄ**

Các ngày lễ, CBCNV đều nhận được các phần quà có ý nghĩa theo chế độ phúc lợi của Công ty nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của tập thể





### TẶNG QUÀ CHO CÔNG NHÂN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

Hằng năm, Công ty xem xét các công nhân có hoàn cảnh khó khăn để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời hỗ trợ bằng những phần quà tiền mặt. Đây là một trong những hoạt động thiết thực của Công ty trong việc chăm lo đời sống cho công nhân lao động, kịp thời động viên tinh thần để mọi người.

### DU LỊCH

Trong năm, BKG Việt Nam tổ chức các hoạt động teambuilding, du lịch...cho toàn bộ CBCNV.



Các hoạt động này nhằm giúp giải tỏa căng thẳng sau giờ làm việc, tăng cường đoàn kết, góp phần xây dựng và cải thiện văn hóa doanh nghiệp



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung hoạt động của công ty năm 2024

Tại BKG Việt Nam, chủ tịch HĐQT tách biệt với Tổng Giám đốc, sự bất kiêm nhiệm này đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng trong quản lý điều hành cũng như nâng cao trách nhiệm trong quá trình vận hành Công ty của mỗi vị trí. HĐQT luôn theo sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra kế hoạch, phương án phù hợp đồng thời điều chỉnh khi có những yếu tố khách quan tác động đến.

HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đã tổ chức 11 phiên họp trong năm 2024 để thảo luận thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, với tỉ lệ tham gia dự họp đều đạt 100%. Các Nghị quyết được Hội đồng Quản trị thông qua trong năm 2024 như sau:

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định           | Nội dung                                                                                | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 01  | 01/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày<br>22/01/2024 | Thông qua giao dịch với các bên liên của Công ty năm 2024                               | 100%                  |
| 02  | 02/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày<br>12/04/2024 | Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I                                            | 100%                  |
| 03  | 03/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày<br>25/04/2024 | Thông qua các nội dung liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022      | 100%                  |
| 04  | 04/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày<br>06/05/2024 | Lựa chọn đơn vị tư vấn hoàn thiện Pháp lý dự án Tổ hợp nhà máy sản xuất Gỗ BKG Việt Nam | 100%                  |
| 05  | 05/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày<br>01/06/2024 | Kế hoạch triển khai dự án đầu tư giai đoạn 6 tháng cuối năm 2024                        | 100%                  |
| 06  | 06/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày<br>12/06/2024 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu                   | 100%                  |

|    |                                     |                                                                                                                              |      |
|----|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 07 | 07/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày 26/06/2024 | Lựa chọn đơn vị Kiểm toán soát xét giữa niên độ và Kiểm toán năm 2024                                                        | 100% |
| 08 | 08/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày 09/07/2024 | Thông tăng vốn điều lệ, sửa đổi Điều lệ Công ty, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành để trả cổ tức | 100% |
| 09 | 09/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày 20/07/2024 | Đăng ký ngày giao dịch bổ sung đối với cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2022                                             | 100% |
| 10 | 10/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày 27/12/2024 | Thông qua việc thoái một phần vốn góp tại Công ty con: Công ty CP Jade De Mai Châu.                                          | 100% |
| 11 | 11/2024/NQ-HĐQT/BKG ngày 31/12/2024 | Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024                                                                              | 100% |

Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hoạt động giám sát chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024 cụ thể như sau:

- *Giám sát thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành;*
- *Triển khai các công việc thực hiện dự án trong năm 2024 nhằm sớm đưa dự án vào hoạt động. Chủ yếu là dự án: Tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam và Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Jade De MAICHAU – The Legends;*
- *Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;*
- *Giám sát thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh sau theo từng Quý;*
- *Chỉ đạo giám sát thực hiện Báo cáo thường niên năm 2023;*
- *Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/BKG và Nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2024;*
- *Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và phòng ban liên quan triển khai triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024;*
- *Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2024;*



- *Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới. Đẩy mạnh bộ phận kinh doanh mở rộng, tìm kiếm các khách hàng nội địa và xuất khẩu.*

**Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024**

**Doanh thu thuần:** 288.726.652.811 đồng, tăng 55% so với năm 2023  
**Lợi nhuận sau thuế TNDN:** 14.869.288.906 đồng, tăng 38% so với năm 2023

**Thù lao của HĐQT và BKS**

Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo kế hoạch trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 như sau:

| STT | Ban               | Số lượng<br>(người) | Thù lao<br>(VNĐ) | Tổng cả năm<br>(VNĐ) |
|-----|-------------------|---------------------|------------------|----------------------|
| 1   | Hội đồng Quản trị | 5                   | 5.000.000/ người | 300.000.000          |
| 2   | Ban Kiểm soát     | 3                   | 3.000.000/ người | 108.000.000          |

**Kế hoạch của Hội Đồng Quản trị 2025**

Ngay sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng Quản trị cam kết trước Đại hội đồng cổ đông sẽ thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, đồng thời tập trung vào một số giải pháp cụ thể sau:

**Nhiệm vụ trọng tâm:**

- *Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 giao phó;*
- *Duy trì tổ chức họp Hội đồng Quản trị định kỳ và thực hiện ngay các cuộc họp bất thường khi cần thiết để kịp thời ban hành các Nghị quyết theo thẩm quyền nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Công ty giúp để đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra;*
- *Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro pháp lý, kiểm soát nội bộ, chú trọng hoạt động quản trị Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động;*
- *Tìm kiếm, mở rộng các thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vào thị trường nội địa;*

- Giám sát và đôn đốc việc hoàn thiện thủ tục pháp lý và triển khai xây dựng dự án “Tổ hợp nhà máy sản xuất Gỗ BKG Việt Nam” và “Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái: Jade De MAICHAU – The Legends”
- Tìm kiếm các dự án đầu tư mới.

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh năm 2024 của HĐQT và Ban Giám đốc, đồng thời kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Ban kiểm soát cũng đã tiến hành họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

- Kiểm tra, rà soát việc tuân thủ các Quy chế, quy trình nội bộ đã được ban hành
- Thực hiện kiểm tra giám sát tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
- Thực hiện kiểm tra giám sát việc lập báo cáo tài chính Quý I, II, III, IV, báo cáo soát xét và cả năm 2024
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Căn cứ các tiêu thức lựa chọn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban kiểm soát đã làm việc với các đơn vị phù hợp để quyết định việc lựa chọn và đề xuất với chủ tịch Hội đồng Quản trị ra quyết định phê duyệt, ký Hợp đồng thực hiện.

- Thực hiện báo cáo cho cổ đông việc giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc năm 2024 của BKS
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát

Trưởng ban Ban Kiểm soát đã tham gia dự họp tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình kịp thời, đồng thời làm thư ký cuộc họp để đảm bảo nội dung các nghị quyết được ban hành một cách khách quan nhất

- Công bố thông tin

Trưởng ban kiểm soát là người công bố thông tin của BKG Việt Nam. Vì vậy các thông tin công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường luôn đảm bảo kịp thời và chính xác

- Thực hiện kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty và thực hiện Nghị Quyết của ĐHĐCĐ
- Thực hiện giám sát việc triển khai dự án đầu tư trong năm 2024
- Ban Kiểm soát thường xuyên đánh giá tình hình tài chính của Công ty để đưa ra các nhận xét, cảnh báo, khuyến nghị kịp thời cho hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành công ty;

## Các cuộc họp của BKS năm 2024

| STT | Thành viên BKS     | Số buổi họp<br>tham dự | Tỷ lệ tham dự<br>họp | Lý do không tham<br>dự họp |
|-----|--------------------|------------------------|----------------------|----------------------------|
| 1   | Ông Đặng Phước Đức | 2/2                    | 100%                 |                            |
| 2   | Ông Tạ Quang Dũng  | 2/2                    | 100%                 |                            |
| 3   | Bà Phan Thị Thu Hà | 2/2                    | 100%                 |                            |

Soát xét Kết quả hoạt động kinh doanh:

Trên kết quả kiểm tra, soát xét hồ sơ sổ sách năm 2024, Ban kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ: **288,73** tỷ, tăng 55% so với năm 2023

Lợi nhuận sau thuế TNDN: **14,87** tỷ, tăng 38% so với năm 2023

Tổng tài sản (nguồn vốn): **796,7** tỷ, giảm 13% so với năm 2023

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ công nhân viên trong hệ thống

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị kinh doanh của Công ty và qua việc thẩm tra các Báo cáo Tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty, Ban Kiểm soát đánh giá như sau:

- HĐQT và Ban Giám đốc luôn ý thức được việc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Mỗi thành viên đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện tốt công tác quản lý, đề ra những chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường. Mặc dù năm 2024 gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên HĐQT và Ban Giám đốc đã có những chính sách quản lý phù hợp để tiết kiệm chi phí, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường kinh doanh.
- HĐQT cùng Ban Giám đốc tích cực trao đổi, phối hợp, cung cấp các tài liệu cần thiết cho Ban Kiểm soát trong quá trình giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đặt ra kế hoạch làm việc năm 2025 như sau:

- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật;
- Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp và trung thực của các Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý;

- Kiểm tra sổ kế toán, ghi chép kế toán, hồ sơ kế toán và các tài liệu khác của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các nội quy của Công ty trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp;
- Kiến nghị xử lý các sai phạm phát hiện được
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua;
- Duy trì các cuộc họp Ban Kiểm soát kỳ và bất thường khi xét thấy cần thiết.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

## MỘT SỐ SẢN PHẨM, DỰ ÁN TIÊU BIỂU

### Một số dự án lớn triển khai

Năm 2024 đánh dấu nhiều đột phá trong hoạt động đầu tư, tạo bước đệm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của BKG Việt Nam năm 2025. Hiện nay các dự án của BKG đang triển khai gồm dự án đầu tư xây dựng nhà máy và dự án bất động sản

#### Dự án: Tổ hợp nhà máy sản xuất Gỗ BKG Việt Nam

**Vị trí:** Xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình

**Quy mô:** 24,2ha

**Tổng vốn đầu tư giai đoạn I:** 298 tỷ đồng



#### Lợi ích dự án mang lại:

Hiện nay dự án đã giải phóng xong toàn bộ mặt bằng, bước vào giai đoạn hoàn thành các thủ tục pháp lý còn lại. Dự kiến sẽ triển khai xây dựng vào Quý 2 năm 2025



## Các hạng mục đầu tư của dự án





### NHÀ MÁY SẢN XUẤT NỘI THẤT TRONG NHÀ



DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

16.200 m<sup>2</sup>

CÔNG SUẤT SẢN XUẤT

7.800 m<sup>3</sup>/năm

LAO ĐỘNG DỰ KIẾN

1200 người

### XUỞNG SẤY GỖ



DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.300 m<sup>2</sup>

LAO ĐỘNG DỰ KIẾN

228 người



### NHÀ VĂN PHÒNG NHÀ ĂN, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ



DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

1.157 m<sup>2</sup>

BKG VIET NAM



### HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, BỂ ĐIỀU HÒA, CÂY XANH



DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

120.842,6 m<sup>2</sup>





**Dự án: Khu du lịch – nghỉ dưỡng sinh thái Jade De MAICHAU – The Legends**



***Dấu ấn một huyền thoại....***

**Địa điểm thực hiện:** xã Tòng Đậu và xã Đồng Tân, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

**Diện tích:** 60 ha

**Khu dịch vụ nghỉ dưỡng:** 10,81ha

**Đất cây xanh thể thao:** 17,3ha

**Khu cảnh quan mặt nước:** 17,98ha

Hòa Bình, tên gọi cũng như đã đủ sức nói lên những nội hàm về vùng đất có những điều kiện tự nhiên, điều kiện văn hóa, xã hội, con người phù hợp với mong muốn hiện tại. Từ Hà Nội, đi theo đường Hồ Chí Minh, đi qua Lương Sơn, Kim Bôi, Lạc Thủy, Yên Thủy, Lạc Sơn; từ Quốc Lộ 6, Đại lộ Thăng Long, đi qua huyện Lương Sơn, Thành phố Hòa Bình, nối vào Cao Phong, Tân Lạc, Mai Châu, một

hướng rẽ về Đà Bắc...; đường nào cũng bạt ngàn đồi núi, bạt ngàn cây xanh; cung đường uốn lượn, lúc lên tới đỉnh dốc Cun, lúc vượt lên trên đỉnh mây trắng ở thung Khe, lúc lại vòng vào những vùng đất mát lành, ngọt lịm những Cam, những Mía của đất Cao Phong; lúc đi theo đường trường sơn nối bãi Lạng với bãi Chạo, lúc lại men theo dòng sông Bôi xanh ngát những cây Chè; lúc ngâm đôi chân vào dòng nước nóng rẫy của nguồn khoáng quý Kim Bôi, lúc lại ngồi nghe mùi gió mát trên lòng hồ Hòa Bình...

Dự án **Jade De MAICHAU – The Legends** có vị trí đặc địa – cửa ngõ huyện Mai châu, 1 mặt bám đường quốc lộ, mặt lưng bám núi non hùng vĩ, bao quanh lòng hồ tự nhiên. Dự án

đi vào hoạt động không chỉ là nơi nghỉ dưỡng lí tưởng cho du khách mà nơi đây còn có sứ mệnh bảo tồn các văn hóa hàng nghìn năm của Mai Châu nói riêng và Hòa Bình nói chung.

Hiện nay dự án đã thực hiện đền bù giảm phóng mặt bằng, dự kiến hoàn thành thủ tục pháp lý trong Quý 4 năm 2025 để triển khai xây dựng.

## MỤC TIÊU DỰ ÁN

Trở thành **Trung Tâm Giao Thương, du Lịch** của khu vực

Khôi phục lại những **Nét Văn Hóa Truyền Thống**

Tạo thành điểm nhấn, nghĩ đến Hòa Bình, nghĩ đến cung đường du lịch là nghĩ đến **Jade De Mai Chau**

**Một số công trình tiêu biểu của dự án**



### *Quảng trường trung tâm*

- **Tháp đồng hồ:** Biểu tượng của dự án
- **Bảo tàng văn hóa dân tộc:** Nơi khách du lịch tìm hiểu về truyền thống, văn hóa đặc trưng, các sản phẩm thủ công của địa phương.
- **Quảng trường trung tâm:** Nơi biểu diễn các tiết mục văn hóa, ăn đêm, khu vui chơi ...



*Sân khấu biểu diễn ngoài trời: Nơi biểu diễn các tiết mục văn hóa, văn nghệ*



*Bể bơi vô cực và Khu Teambuilding  
Đường đi dạo ven hồ  
Bể bơi vô cực  
Khu Teambuilding*



*Khu dịch vụ, ShopHouse: Nhà hàng, café, bar, spa, cửa hàng .. Tất cả các nhu cầu của Khách thăm quan sẽ đều được đáp ứng ở đây*



### Khối biệt thự nghỉ dưỡng

Khi đi vào hoạt động, dự án sẽ cung cấp cho thị trường **450 căn biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp** có diện tích từ **120m<sup>2</sup> – 450m<sup>2</sup>**



*Ngôi nhà mặt trời 595m<sup>2</sup>*



*Trung tâm Hạnh phúc quốc gia Bhutan mang đậm nét bản sắc của quốc gia này*



*Bảo tàng Gốm sứ*

## Một số sản phẩm, công trình tiêu biểu năm 2024

### Ván ghép thanh

Ván ghép thanh là mặt hàng có rất nhiều ứng dụng trong sản xuất nội thất: sản xuất các đồ nội thất trong gia đình, văn phòng, kiến trúc công cộng. Do vậy, Công ty xác định đây là mũi nhọn chính đối với hoạt động sản xuất thương mại. Hiện nay, do có ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực và quy trình sản xuất không đòi hỏi phức tạp nên nguồn cung khá phổ biến và đa dạng. Sau thời gian hoạt động trong cùng với kinh nghiệm đúc kết, Công ty đã có danh sách các khách hàng với nhu cầu hàng trăm m<sup>3</sup> mỗi tháng.



Lợi thế có Chi nhánh nằm trong vùng nguyên liệu lâm sản Tây Bắc lớn nhất cả nước, nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty luôn được đảm bảo ổn định cả về số lượng và giá cả. Việc thu mua của các đại lý và hộ dân cũng giúp Công ty giảm được chi phí giá vốn đầu vào so với các nhà phân phối khác qua đó gia tăng lợi nhuận Công ty.

## Sản phẩm nông nghiệp

Với trang trại rộng hàng chục hecta, cùng với gần 4.000 cây cam tại Cao Phong, Hòa Bình, thương hiệu cam Cao Phong của BKG Việt Nam đang dần được người tiêu dùng đón nhận tích cực bởi chất lượng và đặc biệt là an toàn đối với sức khỏe



Không sử dụng chất bảo quản, sử dụng phân bón với liều lượng và thời gian phù hợp trước khi thu hoạch là những tiêu chí được BKG đặt lên hàng đầu đối với các sản phẩm từ nông nghiệp

### Sản phẩm nội ngoại thất

*(được trích từ bộ sưu tập Catalogue của BKG Việt Nam)*





# DANH MỤC SẢN PHẨM



# BỘ COLLECTION ALICE

Bộ sưu tập nội thất **Alice** mang phong cách **vintage** thanh lịch, sử dụng **gỗ keo cao cấp giả cổ** với bề mặt vân gỗ độc đáo, tạo cảm giác mộc mạc nhưng đầy ấn tượng. Với kết cấu **bền chắc, chịu lực tốt**, Alice không chỉ đảm bảo tính thẩm mỹ mà còn sử dụng lâu dài. Thiết kế tinh tế, phù hợp nhiều không gian như phòng khách, phòng ngủ, quán cà phê, homestay. Alice mang đến vẻ đẹp hoài cổ, ấm cúng nhưng không kém phần sang trọng.

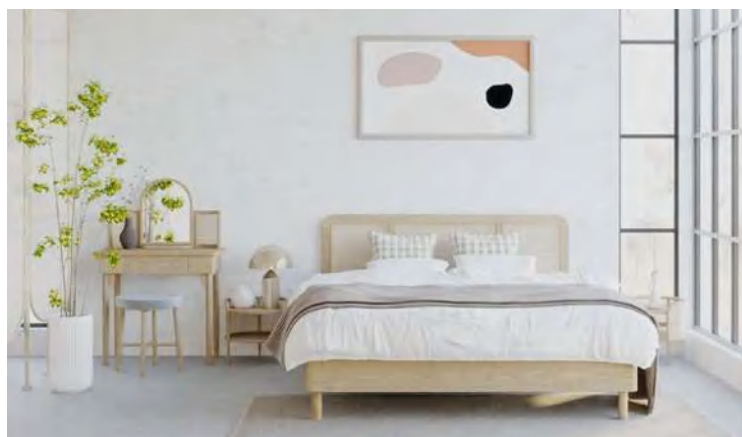


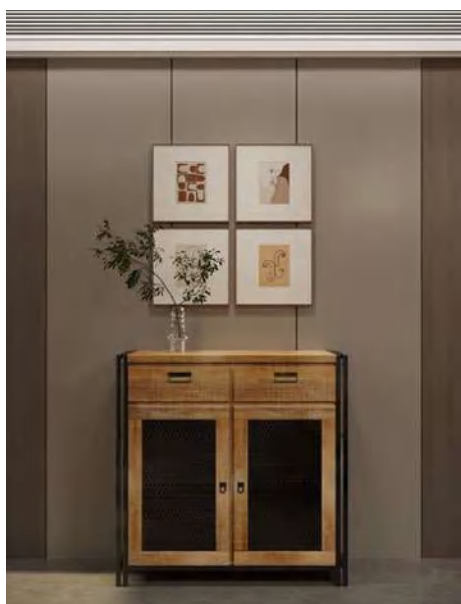




## BỘ COLLECTION ERATAN

**Erattan** mang phong cách **Indochine** tinh tế, kết hợp giữa **khung gỗ sồi** sáng màu và **mây tre đan** thủ công. Erattan lấy cảm hứng từ nghệ thuật đan lát truyền thống của làng quê Việt Nam. Với chất liệu bền đẹp, chắc chắn, thích nghi tốt với khí hậu Việt Nam, Erattan không chỉ là lựa chọn hoàn hảo cho không gian sống mà còn tôn vinh giá trị **thủ công mỹ nghệ**. Thiết kế thanh lịch, hài hòa giữa nét cổ điển và hiện đại, Erattan phù hợp với nhà ở, quán cà phê, homestay, resort mang đậm hơi thở Đông Dương.





## BỘ COLLECTION EURASIAN

**Eurasian** mang phong cách **Industrial** mạnh mẽ và **phóng khoáng**, dành cho giới trẻ yêu thích sự **phá cách, độc lạ**. Kết hợp giữa **gỗ keo cao cấp** và **khung chân sắt**, Eurasian mang đến cảm giác **chắc khỏe, bền vững**. Thiết kế mạnh mẽ, cá tính, phù hợp với căn hộ hiện đại, quán cà phê, studio...







## BỘ COLLECTION IVIAN

*Ivian* mang phong cách **Indochine Việt Nam**, lấy cảm hứng từ nội thất nhà cổ Bắc Bộ, gợi nét **hoài niệm và cổ kính**. Sự kết hợp giữa **gỗ sồi lau dầu lộ vân** và **mặt gỗ sơn hiệu ứng giả sơn mài, hoa văn thổ cẩm dân tộc** tạo nên vẻ đẹp **tinh tế, sang trọng**. Chất liệu bền đẹp, chắc chắn, phù hợp với những không gian mang đậm dấu ấn văn hóa Việt.

# BỘ COLLECTION RUSTY

## BỘ MÀU SẮM





Phá cách trong sự kết hợp chất liệu: gỗ tự nhiên với khung sắt - bộ sưu tập tinh tế đến từng chi tiết. **RUSTY** mang trong mình đường nét **mạnh mẽ và hiện đại**, dễ dàng kết hợp và bài trí trong đa dạng không gian sống khác nhau cũng như phối hợp với các sản phẩm nội thất khác để tạo nên một không gian sống hiện đại và tiện nghi.

## BỘ MÀU SÁNG





## BỘ COLLECTION CORFU - GỖ SỒI

Sự khéo léo kết hợp **màu sắc tương phản** với điểm nhấn là gỗ sồi tối màu mang đến trải nghiệm hình ảnh độc đáo trong từng sản phẩm. Bộ sưu tập **ERA gỗ sồi tự nhiên** sử dụng nghệ thuật tương phản màu sắc sáng - tối trọn phụ kiện: kệ tivi, giường, tủ, bàn ăn,... phù hợp với mọi không gian nội thất khác nhau từ tối giản đến sang trọng.







## BỘ COLLECTION LIMA

**LIMA** mang phong cách hiện đại tạo nên không gian sống đầy **tính thẩm mỹ và thú vị**. Trọn bộ sưu tập sử dụng chất liệu gỗ tự nhiên làm nổi bật điểm nhấn thiết kế với các đường thẳng, dạng hình học tạo nên nét đẹp đạo đáo và ấn tượng cho khách hàng. Phong cách hiện đại gọi lên lối sống đơn giản nhưng thanh lịch.





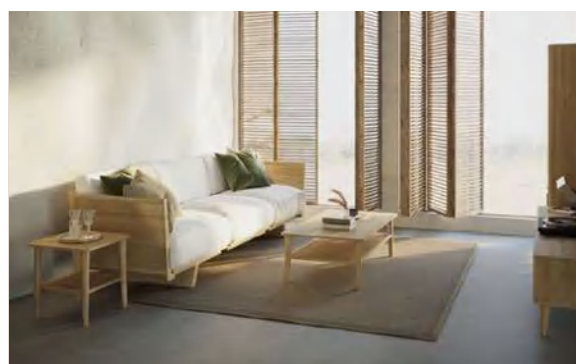
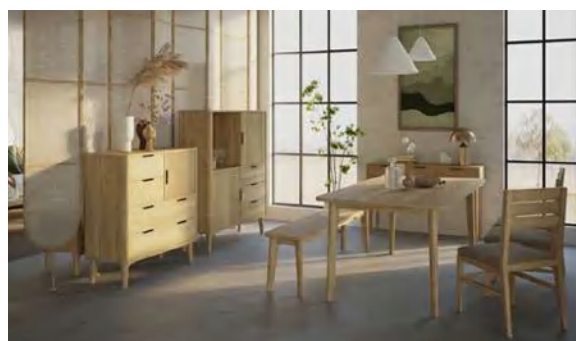
## BỘ COLLECTION OZO

**Đẹp, lạ mắt và độc đáo** là nét đẹp đặc trưng tạo nên sức hút của bộ **OZO**. Không chỉ đơn thuần là làm tôn lên vẻ đẹp tự nhiên của gỗ từ màu sắc đến các đường vân mà tác phẩm với sự kết hợp hoàn hảo giữa màu sắc và đường nét tự nhiên của gỗ. Các thanh gỗ ghép dọc, vân gỗ tròn cùng nét nứt tự nhiên là điểm nhấn trong mỗi sản phẩm.



# BỘ COLLECTION LEANDRO

Bộ sưu tập nội thất **LEANDRO** là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố thời trang và nét cổ điển xưa cũ, tái hiện trọn vẹn linh hồn chất liệu gỗ keo vào từng đường nét sản phẩm.





# BỘ COLLECTION LUNA

Nét đặc trưng của bộ sưu tập **LUNA** chính là **hiệu ứng hình học đối xứng** được thể hiện rõ nét tinh tế. Những dải gỗ được xếp đan chéo với sự chỉnh chu đến từng chi tiết từ đó cho ra đời hiệu ứng 3D hình học đa dạng ở mỗi góc nhìn.





## SẢN PHẨM XUẤT KHẨU



### BỘ GHẾ SOFA XKB01

- **Chất liệu:** Gỗ keo

- **KT sản phẩm:**

Ghế dài: 190x70x65 cm

Ghế ngắn: 69x70x65 cm

Bàn: 120x57x21 cm





## VỈ LÁT SÀN XKV01

- **Chất liệu:** Gỗ keo
- **KT sản phẩm:** 30x30x24mm



## VỈ LÁT SÀN XKV02

- **Chất liệu:** Gỗ keo
- **KT sản phẩm:** 30x30x24mm



## SẢN PHẨM TIỆN ÍCH - NỘI ĐỊA

### KỆ TREO QUẦN ÁO

- **Chất liệu:** Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
- **KT sản phẩm:** 97x38x150cm



### GIÁ TREO QUẦN ÁO

- **Chất liệu:** Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
- **KT sản phẩm:** Cao 1m5, Thân 40x40mm



### TAB ĐẦU GIƯỜNG

35 x 35 x 45cm

- **Chất liệu:** Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
- **KT sản phẩm:** 35 x 35 x 45cm





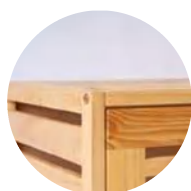


## BỘ BÀN ĂN INTERBUILD

- **Chất liệu:** Gỗ keo
- **KT sản phẩm:**  
Ghế: 497x410x900mm  
Bàn: 1180 x740 x 734mm;

## HỘP ĐỰNG QUẦN ÁO

- **Chất liệu:** Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
- **KT sản phẩm:** 50x50x50cm



## KỆ GIÀY

- **Chất liệu:** Gỗ thông hoàn thiện lau dầu
- **KT sản phẩm:** 63x30x52cm





## BỘ BÀN GHẾ CHÂN SẮT

COLLECTION OF OUTDOOR

Đẹp, lạ mắt và độc đáo là nét đẹp đặc trưng tạo nên sức hút của sản phẩm. Không chỉ đơn thuần là làm tôn lên vẻ đẹp tự nhiên của gỗ từ màu sắc đến các đường vân mà sản phẩm với sự kết hợp hoàn hảo giữa màu sắc và đường nét tự nhiên của gỗ. Các thanh gỗ ghép kết hợp với chi tiết chân sắt tạo nên sự tinh tế, hiện đại.





## BÀN ĂN GỖ NGOÀI TRỜI

### COLLECTION OF OUTDOOR

Một chiếc bàn ăn dài kích thước lớn hoàn hảo cho việc ăn uống ngoài trời hoặc trong nhà hoặc tụ tập ở những nơi khác nhau, chẳng hạn như sân sau, sân thượng, bên hồ bơi, phòng ăn, v.v. cho 10 - 12 người.

Mặt bàn gỗ tự nhiên nguyên khối xử lý, chế tác kỹ lưỡng bền bỉ, không thấm nước, có thể chịu được nhiều điều kiện thời tiết khác nhau. Và với sự khéo léo tinh tế, bề mặt mịn màng và không có gờ. Bên cạnh đó, các góc bo tròn an toàn có thể ngăn ngừa va chạm vô tình một cách hiệu quả.





## CHẬU HOA NGOÀI TRỜI

### COLLECTION OF OUTDOOR

Chậu hoa gỗ ngoài trời BKG có rất nhiều mẫu mã và kích thước đa dạng nên bạn có thể ứng dụng nó để trang trí cảnh quan công cộng, trang trí quán cà phê, làm tiểu cảnh ban công, tầng thượng.

Chậu hoa gỗ ngoài trời được làm bằng gỗ thông tự nhiên có độ bền vượt trội, không phai màu, chịu được các tác động của môi trường, không sợ nứt vỡ. Sở hữu thiết kế thông minh có thể sử dụng làm ghế ngồi đọc sách, nghỉ ngơi thư giãn với khả năng chịu lực tốt



# CHẬU HOA NGOÀI TRỜI

## COLLECTION OF OUTDOOR

Chậu gỗ trồng cây là một trong những xu hướng mới được nhiều người ưa chuộng hiện nay không chỉ đáp ứng tiêu chí về độ bền; những chiếc chậu cây bằng gỗ còn cực kỳ thân thiện với môi trường.

Thiết kế hiện đại, tối giản phù hợp cho văn phòng, nhà riêng, siêu thị mua sắm, khách sạn, quán bar, vườn ban công, đồ trang trí làm vườn tại nhà.



**Built-in Fitting**



**100% Solid Wood**



**Drain Holes**





# CÔNG TRÌNH KINH DOANH TIÊU BIỂU

# RESORT

## THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT RESORT CAO CẤP

"**BKG Việt Nam** tự hào là đơn vị hàng đầu cung cấp dịch vụ toàn diện trong lĩnh vực thiết kế, thi công và giám sát nội - ngoại thất. Với đội ngũ kiến trúc sư không ngừng sáng tạo và đổi mới tư duy chúng tôi hoạt động với sứ mệnh "Mỗi công trình không chỉ dừng chân ở tính thẩm mỹ mà còn mang đến sự tiện ích, xứng tầm đẳng cấp"

Là đối tác tin cậy thiết kế, thi công nội thất cho nhiều resort, khách sạn cao cấp, hạng sang trên toàn quốc hiện nay chúng tôi đã thực hiện với vô số dự án lớn, nhỏ khác nhau có thể kể đến: **Ivory Resort, Flamingo, Tomodachi Retreat - Làng Mít...**

**BKG Việt Nam** sử dụng đa dạng các vật liệu nội thất kết hợp với các giải pháp tối ưu chi phí từ giai đoạn thiết kế giúp khách hàng thực hiện hóa ý tưởng công trình như mong đợi."







# IVORY

## VILLAS & RESORT

*Báu vật của núi rừng*

**66<sup>ha</sup>**

Tổng diện tích dự án

**6.64<sup>ha</sup>**

Khu trung tâm  
cộng đồng

**11.21<sup>ha</sup>**

Khu thương mại  
và dịch vụ

**19.5<sup>ha</sup>**

Khu nhà ở

**28.65<sup>ha</sup>**

Khu cảnh quan mặt nước



**Vị trí:** Hòa Bình

**Thiết kế nội thất:** BKG Design

**Thi công:** BKG Vietnam

**Ivory Villas & Resort** nằm cách trung tâm Hà Nội **44 km**, cách khu du lịch Kim Bôi **20 km** và Vườn Quốc Gia Ba Vì **20 km** và các điểm giải trí như sân golf Phoneix, Skylake, v.v.. Đặc biệt, **Ivory Villas & Resort** nằm ở vị trí đứng giữa núi rừng thiên nhiên nơi cửa ngõ du lịch Tây Bắc. Tuy nằm ngay một đường Quốc Lộ 6 nhưng khu biệt thự Ngà Voi của Ivory vẫn đảm bảo sự yên tĩnh khi ẩn mình giữa không gian cây xanh lành mạn xứng đáng là thiên đường nghỉ dưỡng tại ngoại ô Hà Nội.

Hơn cả một nơi nghỉ dưỡng, **Ivory Villas & Resort** còn mang tới cho khách hàng những trải nghiệm khó quên, thu thái giữa thiên nhiên xanh mát của núi rừng. Để truyền tải thông điệp này **BKG Việt Nam** đã xây dựng phong cách thiết kế hiện đại tiêu chuẩn với những đặc điểm nổi bật như gam màu trung tính, cách bài trí nội thất và vật liệu sử dụng tối giản nhằm tôn lên yếu tố hòa hợp với thiên nhiên và tối đa không gian sống, từ đó mang lại giá trị nghỉ dưỡng đích thực cho khách hàng trong quá trình sử dụng.

Chất liệu sử dụng chủ yếu trong dự án đối với phần đồ nội thất là gỗ thật và gỗ công nghiệp phủ veneer - sự lựa chọn thích hợp cho không gian sống. Đường nét tinh xảo gần gũi như vân gỗ kết hợp với màu tự nhiên trầm ấm của vật liệu tạo nên không gian ấm áp và có chiều sâu. Ngoài ra, yếu tố cong vênh, mối mọt của vật liệu cũng được hạn chế một cách tối đa mà vẫn đạt thẩm mỹ, tiết kiệm chi phí.





**IVORY VILLAS & RESORT**  
HÒA BÌNH

Diện tích: 250 m<sup>2</sup>

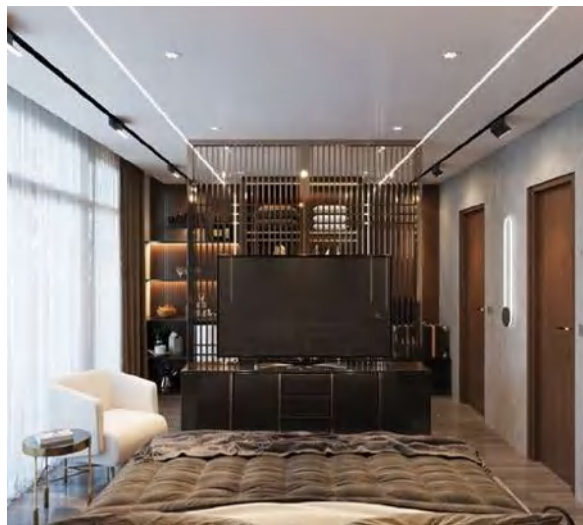




# IVORY VILLAS & RESORT

HÒA BÌNH

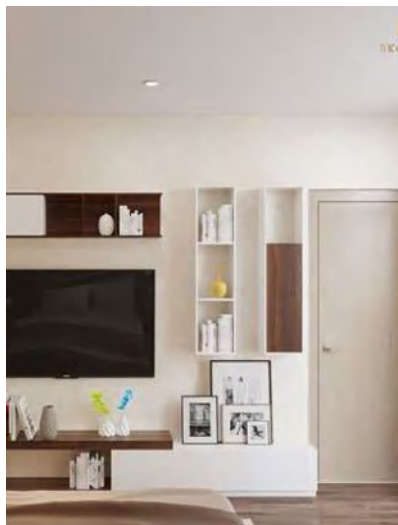
Diện tích: 250 m<sup>2</sup>



# IVORY VILLAS & RESORT

HÒA BÌNH

Diện tích: 250 m<sup>2</sup>





# AN PHÚC MÔN

HÀ NỘI

Diện tích: 400 m<sup>2</sup>

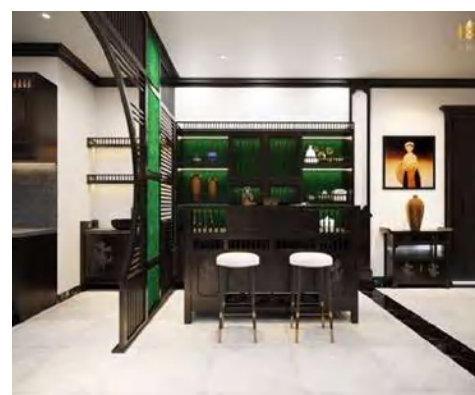
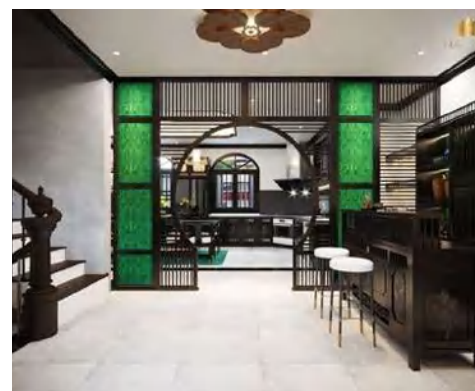




# AN PHÚC MÔN

HÀ NỘI

Diện tích: 400 m<sup>2</sup>



# MONACO QUẢNG NINH

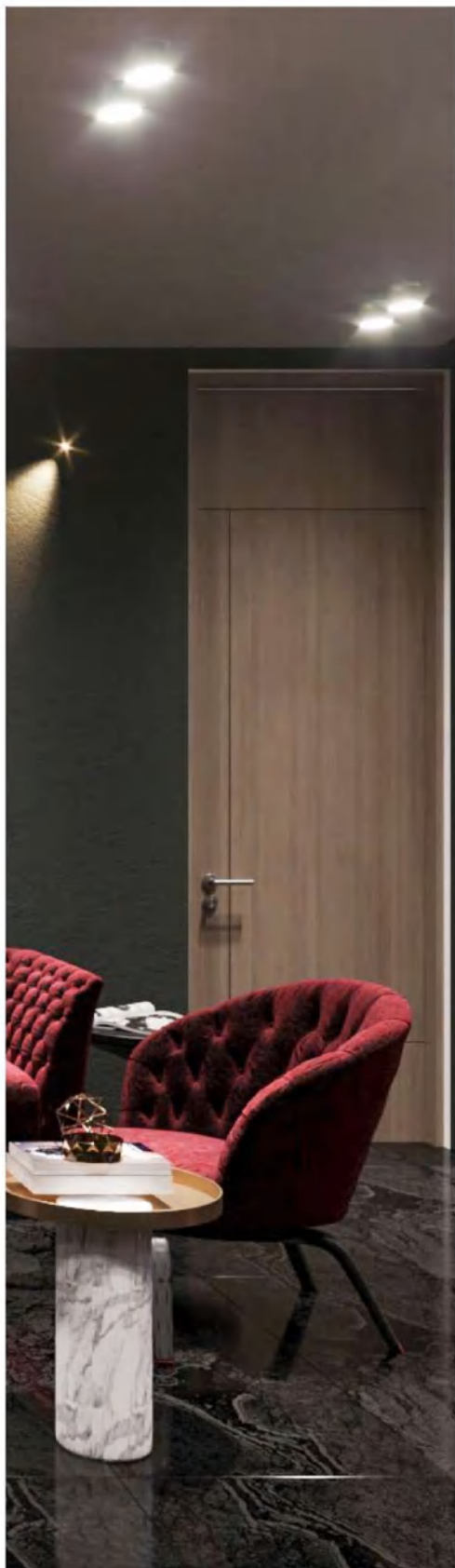
QUẢNG NINH





# MONACO QUẢNG NINH

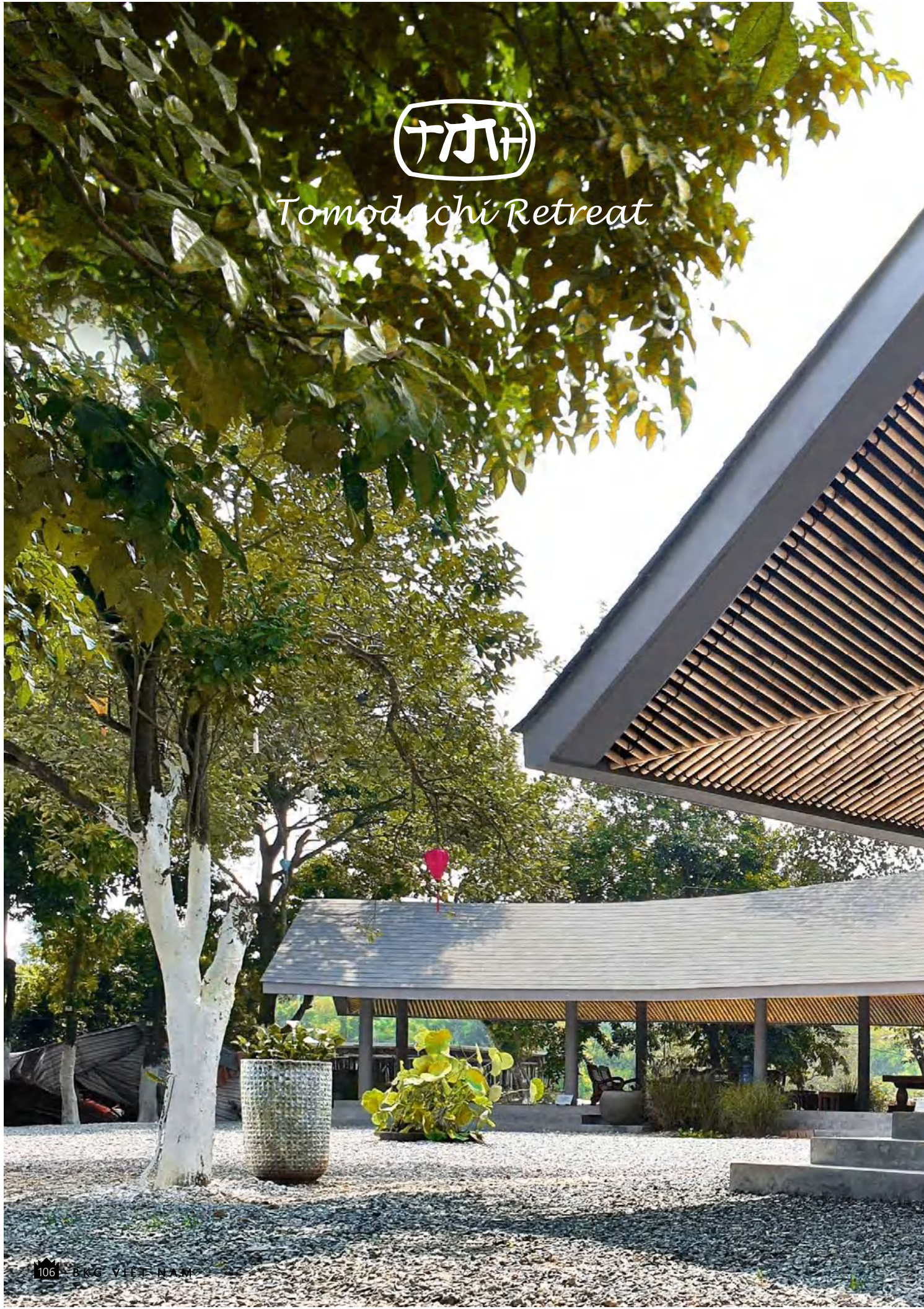
QUẢNG NINH



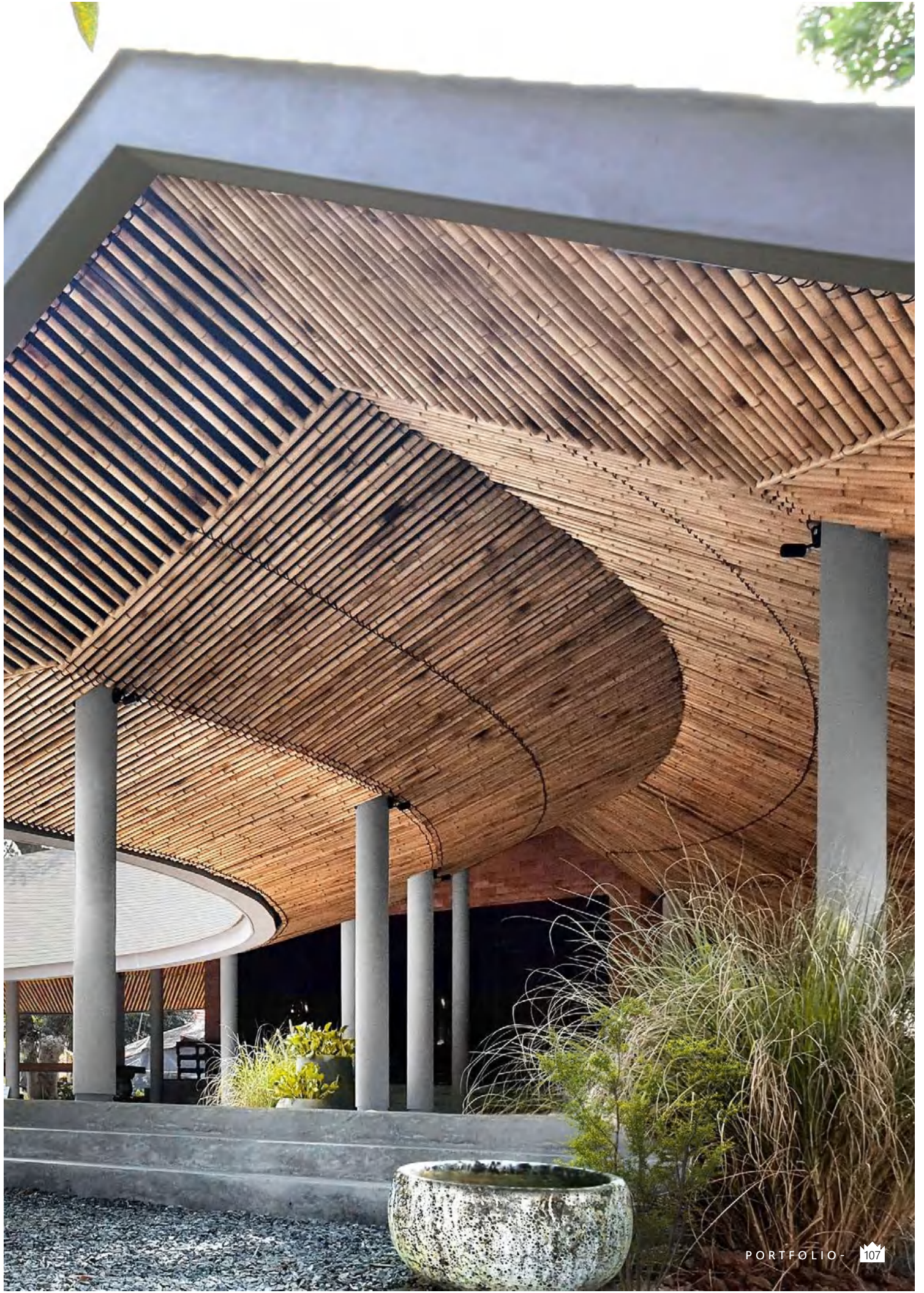




*Tomodachi Retreat*





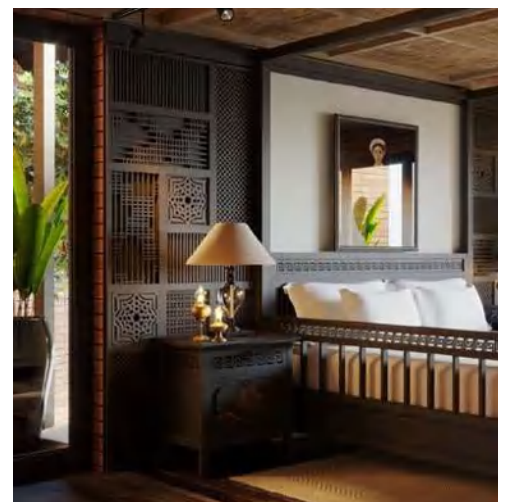




# TOMODACHI RETREAT - LÀNG MÍT

TRẠI LÁNG - SƠN TÂY - HÀ NỘI

Diện tích: 400 m<sup>2</sup>





# TOMODACHI RETREAT - LÀNG MÍT

TRẠI LẮNG - SƠN TÂY - HÀ NỘI

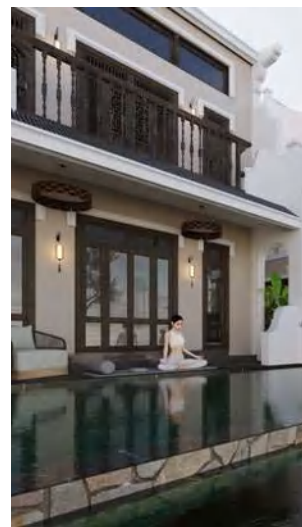
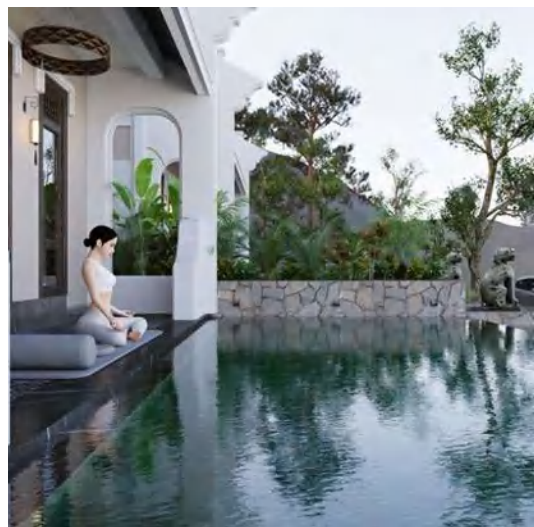
Diện tích: 400 m<sup>2</sup>





# KHU NGHỈ DƯỠNG JADE MAI CHÂU

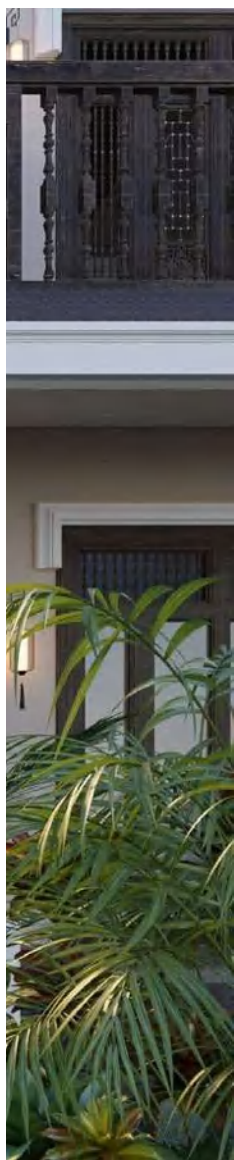
PHONG CÁCH: INDOCHINE





# KHU NGHỈ DƯỠNG JADE MAI CHÂU

PHONG CÁCH: INDOCHINE





# BAR & RESTAURANT, SPA

## THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT NHÀ HÀNG & SPA

Với hơn 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, sản xuất và thi công nội thất chúng tôi tự hào là người bạn đồng hành tạo nên hàng trăm công trình tiện ích, giải trí mang dấu ấn cá tính riêng không hề trộn lẫn nhưng đảm bảo mang đến không gian thu giãn đích thực. Mỗi dự án chúng tôi thực hiện đều chín chu trong từng chi tiết nhỏ nhất và thổi hồn vào vật liệu, ánh sáng để biến chúng trở thành tác phẩm nghệ thuật.





# HOUSE OF BARBAARD – MELIA HOTEL

HÀ NỘI

Diện tích: 500 m<sup>2</sup>





# HOUSE OF BARBAARD – MELIA HOTEL

HÀ NỘI

Diện tích: 500 m<sup>2</sup>





# HOUSE OF BARBAARD – MELIA HOTEL

HÀ NỘI

Diện tích: 500 m<sup>2</sup>





## IVORY SPA

HÒA BÌNH

Diện tích: 250 m<sup>2</sup>





# IVORY SPA

HÒA BÌNH

Diện tích: 250 m<sup>2</sup>

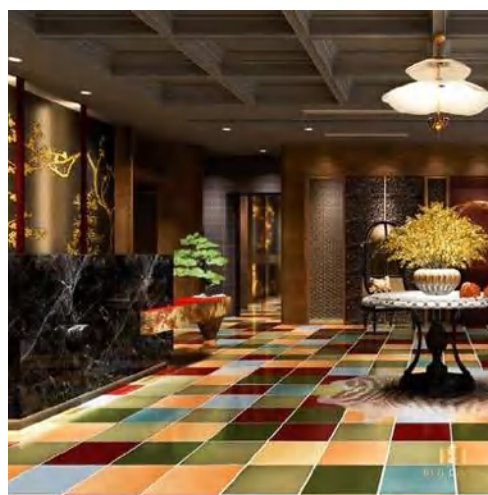




## AN HOTEL - LOBBY

HỒ BA MẪU, HÀ NỘI

Diện tích: 300m<sup>2</sup>





## AN HOTEL - LOBBY

HỒ BA MẪU, HÀ NỘI

Diện tích: 300 m<sup>2</sup>

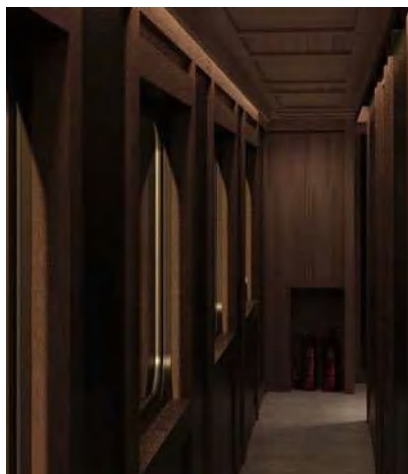
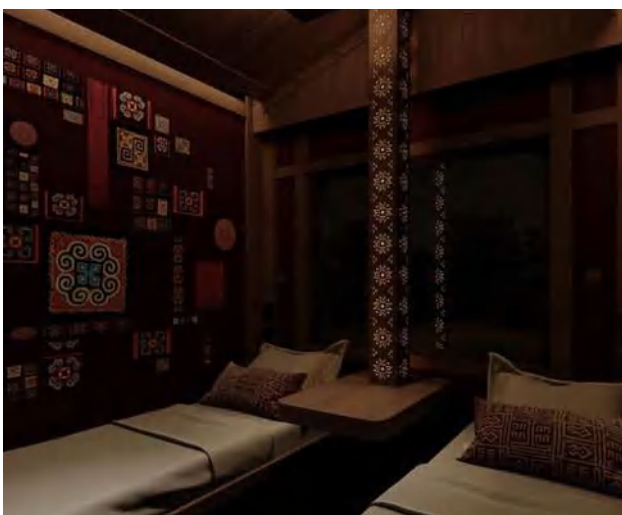




# DỰ ÁN TOA TÀU CHAMPA

PHONG CÁCH: TRADITIONAL

Diện tích: 60 m<sup>2</sup>/1 toa





# NHÀ HÀNG PUB NINH BÌNH

NINH BÌNH

Diện tích: 60 m<sup>2</sup>





# NHÀ HÀNG PHỞ LÀNH

PHONG CÁCH: INDOCHINE

Diện tích: 105 m<sup>2</sup>

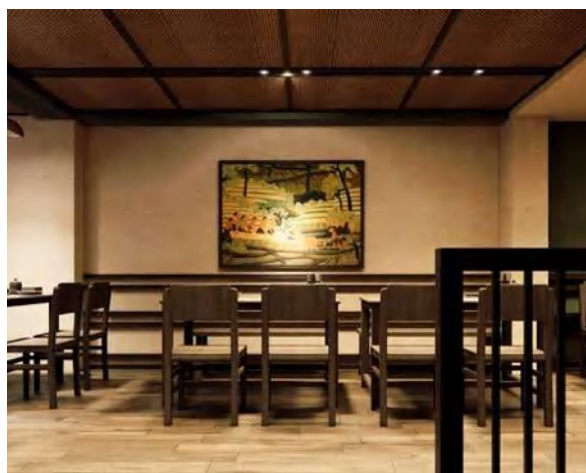




# NHÀ HÀNG PHỞ LÀNH

PHONG CÁCH: INDOCHINE

Diện tích: 105 m<sup>2</sup>



# OFFICE

## THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT VĂN PHÒNG LÀM VIỆC

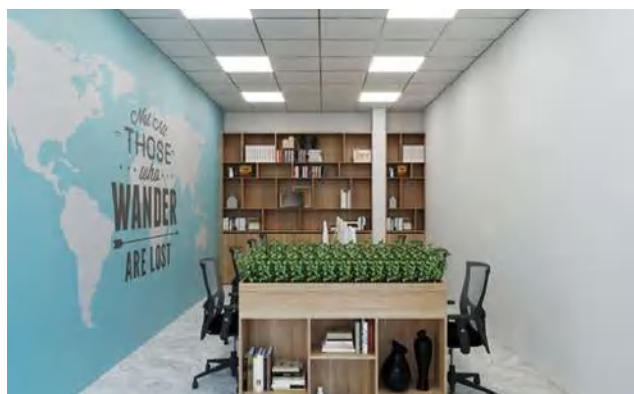
**BKG Việt Nam** tự hào được nhiều doanh nghiệp lớn, nhỏ, tin tưởng giao trọng trách thổi sinh khí vào không gian làm việc của công ty. Chúng tôi thấu hiểu được rằng một không gian làm việc cởi mở, năng động là chìa khóa lan tỏa năng lượng tích cực, giúp môi trường làm việc trở nên thoải mái, hứng thú và sáng tạo đồng thời nâng cao hiệu suất, chất lượng công việc.





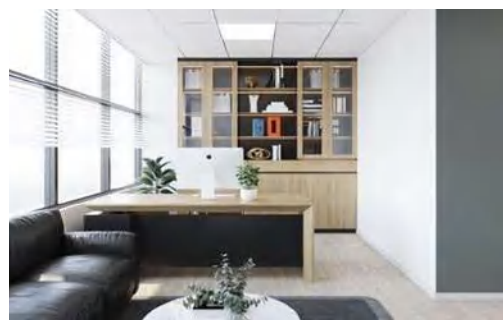
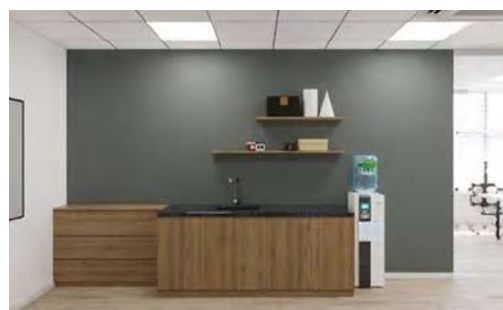
# VĂN PHÒNG BE&C

HÀ NỘI



# VĂN PHÒNG GOLDENPALM

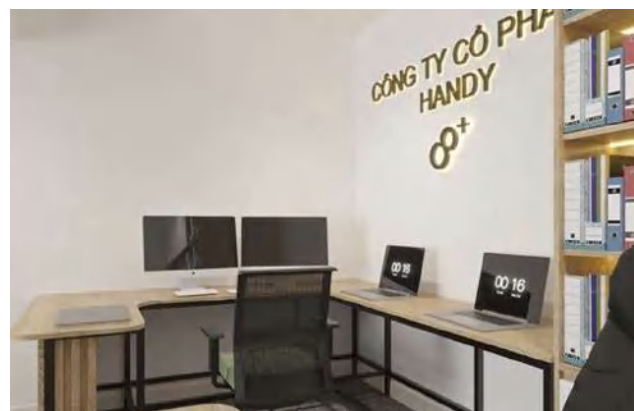
HÀ NỘI





# VĂN PHÒNG HANDY

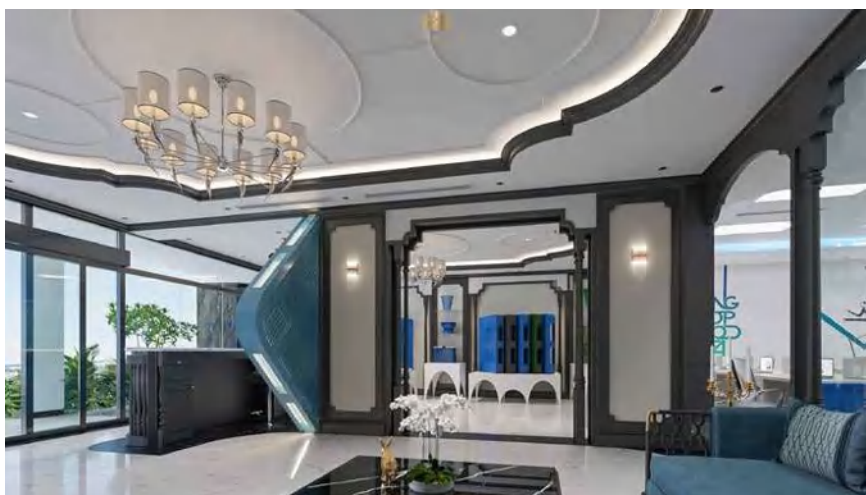
HÀ NỘI



## VĂN PHÒNG BPG

PHONG CÁCH: INDOCHINE & HIỆN ĐẠI

Diện tích: 1.350 m<sup>2</sup>





## VĂN PHÒNG BPG

PHONG CÁCH: INDOCHINE & HIỆN ĐẠI

Diện tích: 1.350 m<sup>2</sup>

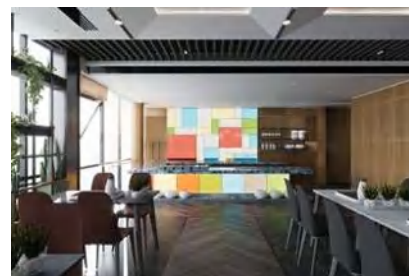
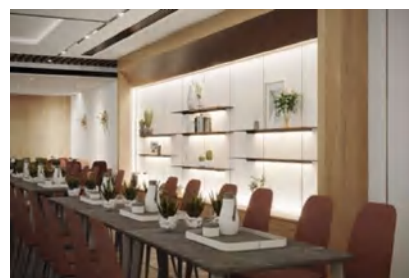




# VĂN PHÒNG LEXUS THĂNG LONG

PHONG CÁCH: HIỆN ĐẠI

Diện tích: 200 m<sup>2</sup>





# CAFE

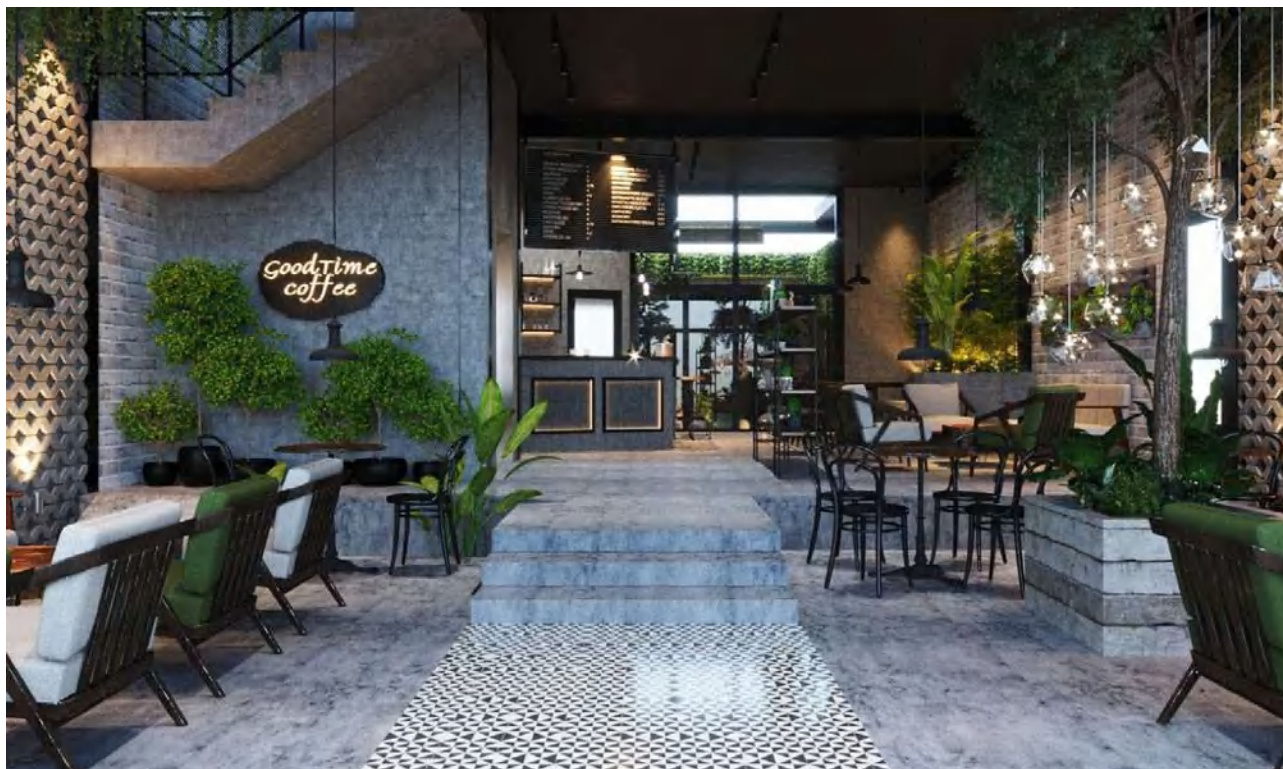
## THIẾT KẾ & THI CÔNG NỘI THẤT QUÁN CAFE

Đón nhận sự tin tưởng của khách hàng chúng tôi tự tin trong việc thực hiện và truyền tải thông điệp đến với khách hàng bằng việc thực hiện hóa các ý tưởng thành không gian như quán cafe - nơi lý tưởng mà khách hàng có thể tận hưởng sự tinh lặng để làm việc, trò chuyện... Đặc biệt tại BKG Việt Nam cung cấp nội thất may đo cao cấp hoàn hảo đến từng chi tiết.



# CAFE GOODTIME BẮC NINH

BẮC NINH





# ANIME COFFEE

MỸ

Diện tích: 95 m<sup>2</sup>





# DELASON CAFE & LOUNGE

PHONG CÁCH: TÂN CỔ ĐIỂN

Diện tích: 86 m<sup>2</sup>

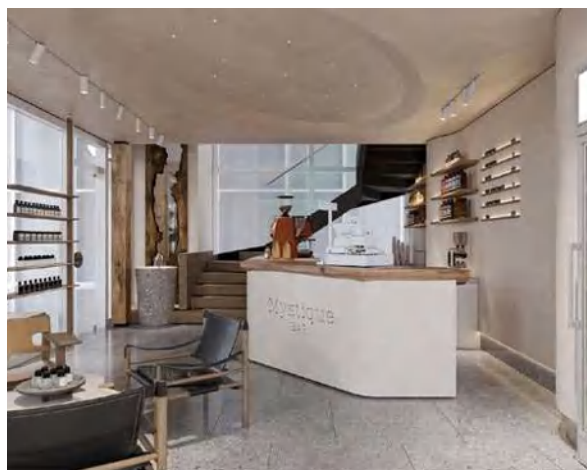




# MYSTIQUE PARFUM & CAFE

PHONG CÁCH: WABISABI

Diện tích: 160 m<sup>2</sup>



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024**  
(Đã được Kiểm toán)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 10 ngày 23 tháng 07 năm 2024.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 716.090.200.000 đồng (Bảy trăm mười sáu tỷ, không trăm chín mươi triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 71.609.020 cổ phần.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên            | Chức vụ         |
|----------------------|-----------------|
| Ông Trần Công Thành  | Chủ tịch HĐQT   |
| Ông Nguyễn Văn Hưng  | Thành viên HĐQT |
| Ông Dương Tất Thắng  | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Quang Duy | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Minh Hải  | Thành viên HĐQT |

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên          | Chức vụ              |
|--------------------|----------------------|
| Ông Đặng Phước Đức | Trưởng ban kiểm soát |
| Bà Phan Thị Thu Hà | Thành viên           |
| Ông Tạ Quang Dũng  | Thành viên           |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên           | Chức vụ           |
|---------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Văn Hưng | Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Minh Hải | Phó Tổng Giám đốc |

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**NGUYỄN VĂN HƯNG**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025



Số: 2806.1/2024/BCTC/IAV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Đầu tư BKG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 29 tháng 03 năm 2024.



**NGUYỄN HỮU HOÀN**

**Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2417-2023-283-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

**VŨ ANH TUẤN**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0577-2025-283-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>447.967.321.580</b> | <b>667.914.627.452</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4.1</b>  | <b>43.620.737.013</b>  | <b>81.229.214.294</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 40.075.737.013         | 41.229.214.294         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 3.545.000.000          | 40.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> | <b>4.4</b>  | <b>-</b>               | <b>22.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        |             | -                      | 22.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>276.402.201.868</b> | <b>464.362.153.197</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 4.2         | 59.681.177.907         | 34.451.154.706         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 4.3         | 130.021.534.329        | 302.314.757.572        |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 4.6         | 88.350.425.624         | 129.247.176.911        |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        |             | (1.650.935.992)        | (1.650.935.992)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>4.7</b>  | <b>125.445.774.829</b> | <b>98.803.761.346</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 125.445.774.829        | 98.803.761.346         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>2.498.607.870</b>   | <b>1.519.498.615</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 4.12        | 289.541.918            | 271.482.263            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |             | 2.209.065.952          | 1.248.016.352          |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>348.743.180.869</b> | <b>247.503.291.527</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>64.489.291</b>      | <b>54.505.791</b>      |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 4.6         | 64.489.291             | 54.505.791             |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>50.164.183.511</b>  | <b>56.489.507.491</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 4.9         | 27.351.683.511         | 14.058.537.241         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 60.630.319.833         | 44.500.231.496         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (33.278.636.322)       | (30.441.694.255)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 4.10        | 22.812.500.000         | 42.430.970.250         |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 22.812.500.000         | 42.430.970.250         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b> | <b>4.11</b> | <b>20.094.164.518</b>  | <b>20.981.311.990</b>  |
| - Nguyên giá                                 | 231        |             | 24.840.129.972         | 24.840.129.972         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 232        |             | (4.745.965.454)        | (3.858.817.982)        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> | <b>4.8</b>  | <b>42.253.406.940</b>  | <b>80.693.906.813</b>  |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        |             | 42.253.406.940         | 80.693.906.813         |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> | <b>4.4</b>  | <b>236.110.000.000</b> | <b>89.110.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        |             | 147.000.000.000        | -                      |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |             | 89.110.000.000         | 89.110.000.000         |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>56.936.609</b>      | <b>174.059.442</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 4.12        | 56.936.609             | 174.059.442            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>       | <b>270</b> |             | <b>796.710.502.449</b> | <b>915.417.918.979</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>                           | <b>300</b> |             | <b>44.768.337.690</b>  | <b>33.537.190.949</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>44.750.468.690</b>  | <b>31.849.229.949</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 4.14        | 5.716.254.468          | 5.634.214.386          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        | 4.16        | 1.944.409.977          | 4.819.323.893          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 4.15        | 3.328.464.441          | 2.835.886.147          |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 244.244.766            | 501.834.605            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 4.17        | 532.272.469            | 429.668.098            |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn           | 318        | 4.18        | 1.080.000.000          | 1.080.000.000          |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 4.19        | 1.299.916.600          | 905.030.820            |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | 4.13        | 30.604.905.969         | 15.643.272.000         |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>17.869.000</b>      | <b>1.687.961.000</b>   |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn            | 336        | 4.18        | -                      | 1.080.000.000          |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 338        | 4.13        | 17.869.000             | 607.961.000            |
| <b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>400</b> |             | <b>751.942.164.759</b> | <b>881.880.728.030</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>4.20</b> | <b>751.942.164.759</b> | <b>881.880.728.030</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        |             | 716.090.200.000        | 681.999.830.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 716.090.200.000        | 681.999.830.000        |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 27.262.712.484         | 46.645.870.571         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 12.703.460.468         | 36.105.322.571         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 14.559.252.016         | 10.540.548.000         |
| 3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 8.589.252.275          | 153.235.027.459        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>       | <b>440</b> |             | <b>796.710.502.449</b> | <b>915.417.918.979</b> |

**PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC**

Người lập biểu

**PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN VĂN HƯNG**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| CHỈ TIÊU                                                                             | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                            | 01        | 5.1         | 288.726.652.811        | 186.173.750.280        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                                      | 02        | 5.2         | -                      | 52.637.187             |
| 3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>                | <b>10</b> |             | <b>288.726.652.811</b> | <b>186.121.113.093</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                                  | 11        | 5.3         | 260.589.977.662        | 161.821.972.878        |
| 5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>                 | <b>20</b> |             | <b>28.136.675.149</b>  | <b>24.299.140.215</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                                     | 21        | 5.4         | 857.872.940            | 1.695.531.287          |
| 7. Chi phí tài chính                                                                 | 22        | 5.5         | 1.305.080.279          | 1.664.046.274          |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                          | 23        |             | 1.305.074.944          | 1.662.374.619          |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                               | 24        |             | -                      | -                      |
| 9. Chi phí bán hàng                                                                  | 25        | 5.6         | 2.896.635.534          | 3.712.584.409          |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                     | 26        | 5.6         | 5.378.770.477          | 6.456.959.771          |
| 11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 +</b> | <b>30</b> |             | <b>19.414.061.799</b>  | <b>14.161.081.048</b>  |
| 12. Thu nhập khác                                                                    | 31        | 5.7         | 227.456.128            | 29.177.211             |
| 13. Chi phí khác                                                                     | 32        | 5.8         | 1.185.056.583          | 562.730.662            |
| 14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>                                             | <b>40</b> |             | <b>(957.600.455)</b>   | <b>(533.553.451)</b>   |
| 15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                          | <b>50</b> |             | <b>18.456.461.344</b>  | <b>13.627.527.597</b>  |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                                      | 51        | 5.9         | 3.587.172.438          | 2.857.179.702          |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                                       | 52        |             | -                      | -                      |
| 18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>                | <b>60</b> |             | <b>14.869.288.906</b>  | <b>10.770.347.895</b>  |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ                                    | 61        |             | 14.559.252.016         | 10.540.548.000         |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                                   | 62        |             | 310.036.890            | 229.799.895            |
| 21. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                  | <b>70</b> | <b>5.10</b> | <b>208,08</b>          | <b>154,55</b>          |

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC  
Người lập biểuPHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC  
Kế toán trưởngNGUYỄN VĂN HƯNG  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(theo phương pháp gián tiếp)

| CHỈ TIÊU                                                                                 | Mã số | Thuyết minh | Năm nay VND      | Năm trước VND     |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|-------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                        |       |             |                  |                   |
| <i>Lợi nhuận trước thuế</i>                                                              | 01    |             | 18.456.461.344   | 13.627.527.597    |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>                                                          |       |             | 3.897.205.733    | 7.315.464.625     |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                   | 02    |             | 4.686.613.284    | 5.695.670.389     |
| Các khoản dự phòng                                                                       | 03    |             | -                | 1.650.935.992     |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    |             | (111.812.200)    | (6.734.773)       |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05    |             | (1.982.670.295)  | (1.686.781.602)   |
| Chi phí lãi vay                                                                          | 06    |             | 1.305.074.944    | 1.662.374.619     |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>                     | 08    |             | 22.353.667.077   | 20.942.992.222    |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09    |             | (38.007.156.666) | 196.611.385.633   |
| Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10    |             | (26.642.013.483) | (4.082.290.083)   |
| Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11    |             | (3.704.977.037)  | (14.646.122.774)  |
| Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12    |             | 67.203.330       | 1.284.370.820     |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14    |             | (1.202.470.573)  | (1.280.172.274)   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15    |             | (3.108.890.101)  | (6.238.414.069)   |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>                                     | 20    |             | (50.244.637.453) | 192.591.749.475   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                           |       |             |                  |                   |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                           | 21    |             | (1.027.545.747)  | (29.406.429.497)  |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                        | 22    |             | 25.300.000.000   | -                 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                     | 23    |             | -                | (22.000.000.000)  |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                             | 24    |             | 3.000.000.000    | -                 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                  | 25    |             | -                | (89.110.000.000)  |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                              | 26    |             | (29.971.605.218) | -                 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                      | 27    |             | 557.639.032      | 1.684.692.892     |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>                                         | 30    |             | (2.141.511.933)  | (138.831.736.605) |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                       |       |             |                  |                   |
| Tiền thu từ đi vay                                                                       | 33    |             | 30.266.348.566   | 14.949.000.000    |
| Tiền trả nợ gốc vay                                                                      | 34    |             | (15.488.326.597) | (15.694.272.000)  |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                  | 36    |             | -                | (1.266.000.000)   |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>                                      | 40    |             | 14.778.021.969   | (2.011.272.000)   |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>                                                    | 50    |             | (37.608.127.417) | 51.748.740.870    |
| (50 = 20+30+40)                                                                          |       |             |                  |                   |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                          | 60    |             | 81.229.214.294   | 29.482.041.128    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại                                     | 61    |             | (349.864)        | (1.567.704)       |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>                                                  | 70    | 4.1         | 43.620.737.013   | 81.229.214.294    |
| (70 = 50+60+61)                                                                          |       |             |                  |                   |

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC

Người lập biểu

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN HƯNG

Tổng Giám đốc  
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2025



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 10 ngày 23 tháng 07 năm 2024.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 716.090.200.000 đồng (Bảy trăm mười sáu tỷ, không trăm chín mươi triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 71.609.020 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 79 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 32 người).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn, Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.

#### 1.3. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024 Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

| Tên Công ty                            | Nơi thành lập<br>(hoặc đăng ký)<br>và hoạt động | Tỷ lệ phần<br>sở hữu<br>% | Tỷ lệ nắm giữ<br>quyền biểu quyết<br>% | Hoạt động chính                         |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Công ty con</b>                     |                                                 |                           |                                        |                                         |
| Công ty CP Gỗ BKG                      | Hà Nội                                          | 95,00%                    | 95,00%                                 | Chế biến các sản phẩm từ gỗ             |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu BKG HOME     | Hà Nội                                          | 98,00%                    | 98,00%                                 | Chế biến các sản phẩm từ gỗ             |
| Công ty CP Thực phẩm lạnh Mai Châu     | Hòa Bình                                        | 99,20%                    | 99,20%                                 | Chăn nuôi gia cầm, hoạt động trồng trọt |
| Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ            | Hòa Bình                                        | 100,00%                   | 100,00%                                | Chế biến các sản phẩm từ gỗ             |
| Công ty CP phát triển rừng BKG Độc Lập | Hòa Bình                                        | 100,00%                   | 100,00%                                | Trồng rừng và chăm sóc rừng             |
| <b>Công ty liên kết</b>                |                                                 |                           |                                        |                                         |
| Công ty CP Jade de Mai Châu            | Hòa Bình                                        | 49,00%                    | 49,00%                                 | Lĩnh vực bất động sản                   |

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Giả định hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**2.3. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**3.3. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.



Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**3.4. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.5. Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**3.6. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**3.7. Lãi từ giao dịch mua rẻ**

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

### **3.8. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kê toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

### **3.9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **3.10. Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**3.11. Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**3.12. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**3.13. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                            | Năm nay<br>[Số năm] |
|----------------------------|---------------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 05-50               |
| Máy móc và thiết bị        | 03-15               |
| Thiết bị văn phòng         | 03-10               |
| Phương tiện vận tải        | 06-10               |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.14. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

**3.15. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như tài sản cố định hữu hình.

### **3.16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.17. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

#### ***Tài sản đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

#### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### **3.18. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các công cụ, dụng



cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng và các chi phí trả trước cho nhiều kỳ được phân bổ theo thời gian sử dụng.

**3.19. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

**3.20. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**3.21. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**3.22. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước tiền thuê tài sản cho nhiều kỳ. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**3.23. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/ Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.24. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như **lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**3.25. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.



**3.26. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**3.27. Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

**3.28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

**3.29. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời có tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.30. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3.31. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                        | 6.123.401.855         | 6.926.069.900         |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 33.952.335.158        | 34.303.144.394        |
| Các khoản tương đương tiền (i)  | 3.545.000.000         | 40.000.000.000        |
| <b>Tổng</b>                     | <b>43.620.737.013</b> | <b>81.229.214.294</b> |

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời hạn tất toán dưới 90 ngày.

**4.2. Phải thu của khách hàng**

|                                               | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|-----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>       | <b>59.681.177.907</b> | <b>34.451.154.706</b> |
| Công ty CP ĐTXD&PT Đô thị Thăng Long          | 5.250.194.000         | 3.176.630.000         |
| Công ty CP XDTM&SX Ván ép Thăng Long          | 8.823.966.000         | -                     |
| Công ty CP Đầu tư và Du lịch Green Holidays   | -                     | 12.380.219.921        |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu Vietwoodee          | -                     | 3.797.043.000         |
| Công ty CP Hòa Bình Corporations              | 691.965.800           | 5.848.200.000         |
| Công ty CP ĐTXD Công trình văn hóa Thăng Long | 20.695.776.000        | -                     |
| B.U.T Sourcing limited                        | 10.932.578.448        | -                     |
| Đối tượng khác                                | 13.286.697.659        | 9.249.061.785         |
| <b>Tổng</b>                                   | <b>59.681.177.907</b> | <b>34.451.154.706</b> |

**4.3. Trả trước cho người bán**

|                                               | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|-----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>       | <b>130.021.534.329</b> | <b>302.314.757.572</b> |
| Công ty CP ĐT HTDL và KTDV nghỉ dưỡng Tây Bắc | -                      | 110.499.879.680        |
| Công ty TNHH MTV Ván ép Tây Hà Nội            | 28.204.185.600         | 29.888.415.575         |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu gỗ Hà Nội     | 57.492.477.200         | 27.812.005.100         |
| Công ty TNHH Tâm Điền - Tây Yên Tử            | 35.000.000.000         | 59.021.076.000         |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn khác         | 9.324.871.529          | 75.093.381.217         |
| <b>Tổng</b>                                   | <b>130.021.534.329</b> | <b>302.314.757.572</b> |



4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

|                                                | Số cuối năm |                | Số đầu năm         |                   |
|------------------------------------------------|-------------|----------------|--------------------|-------------------|
|                                                | Giá gốc     | Giá trị ghi sổ | Giá gốc            | Giá trị ghi sổ    |
| <i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>         | -           | -              | 22.000.000.000     | 22.000.000.000    |
| <i>Ngắn hạn</i>                                | -           | -              | 22.000.000.000     | 22.000.000.000    |
| Tiền gửi có kỳ hạn                             | -           | -              | 22.000.000.000     | 22.000.000.000    |
|                                                |             |                | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|                                                |             |                | <b>VND</b>         | <b>VND</b>        |
| <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i> |             |                | 147.000.000.000    | -                 |
| Công ty CP Jade de Mai Chau                    |             |                | 147.000.000.000    | -                 |

Đơn vị tính: VND

|                               | Số cuối năm    |                    |          | Số đầu năm     |                    |          |
|-------------------------------|----------------|--------------------|----------|----------------|--------------------|----------|
|                               | Giá gốc        | Giá trị hợp lý (i) | Dự phòng | Giá gốc        | Giá trị hợp lý (i) | Dự phòng |
| <b>Đầu tư vào đơn vị khác</b> | 89.110.000.000 |                    | -        | 89.110.000.000 |                    | -        |
| Công ty CP DP Invest          | 89.110.000.000 |                    | -        | 89.110.000.000 |                    | -        |

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý. Do đó, giá trị đánh giá lại được ước tính bằng giá gốc khoản đầu tư.

**4.5. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

|                                                                                                                    | Số cuối năm          |                        |                   | Số đầu năm           |                        |                    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
|                                                                                                                    | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn  |
| <b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b> | <b>1.687.728.040</b> | <b>36.792.048</b>      |                   | <b>1.687.728.040</b> | <b>36.792.048</b>      |                    |
| Khách hàng Habufa                                                                                                  | 1.635.167.972        | -                      | Trên 3 năm        | 1.635.167.972        | -                      | Trên 3 năm         |
| Quadarato GmbH&Co.KG                                                                                               | 52.560.068           | 36.792.048             | Trên 3 năm        | 52.560.068           | 36.792.048             | Từ 2 năm đến 3 năm |
| <b>Cộng</b>                                                                                                        | <b>1.687.728.040</b> | <b>36.792.048</b>      |                   | <b>1.687.728.040</b> | <b>36.792.048</b>      |                    |



**4.6. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

|                   | Số cuối năm           |          | Số đầu năm             |          |
|-------------------|-----------------------|----------|------------------------|----------|
|                   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị                | Dự phòng |
| <b>Ngắn hạn</b>   | <b>88.350.425.624</b> | -        | <b>129.247.176.911</b> | -        |
| Tạm ứng (i)       | 65.499.959.001        | -        | 114.475.895.621        | -        |
| Ký cược, ký quỹ   | 139.720.000           | -        | 241.855.600            | -        |
| Phải thu khác     | 22.710.746.623        | -        | 14.529.425.690         | -        |
| Bùi Văn Tươi (ii) | 6.500.000.000         | -        | 6.500.000.000          | -        |
| Bùi Văn Xiển (ii) | 7.500.000.000         | -        | 7.500.000.000          | -        |
| Phải thu khác     | 8.710.746.623         | -        | 529.425.690            | -        |
| <b>Dài hạn</b>    | <b>64.489.291</b>     | -        | <b>54.505.791</b>      | -        |
| Ký cược, ký quỹ   | 64.489.291            | -        | 54.505.791             | -        |
| <b>Tổng</b>       | <b>88.414.914.915</b> | -        | <b>129.301.682.702</b> | -        |

- (i) Các khoản tạm ứng cho cá nhân triển khai giải phóng mặt bằng và các chi phí khác tại các dự án bất động sản, trồng rừng ở các công ty con.
- (ii) Khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu với các cá nhân theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 và 02/HTKD ngày 10 tháng 12 năm 2019 và các phụ lục hợp đồng. Theo đó, Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu góp tiền, tham gia điều hành, quản lý, hỗ trợ tìm đối tác, khách hàng, thực hiện phân phối tiêu thụ sản phẩm tại các trang trại trồng cam tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình với 02 trang trại của ông Bùi Văn Tươi và ông Bùi Văn Xiển. Thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 18 tháng 12 năm 2025.

**4.7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

|                                     | Số cuối năm            |          | Số đầu năm            |          |
|-------------------------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                     | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 66.948.244.806         | -        | 35.284.138.759        | -        |
| Công cụ, dụng cụ                    | 28.500.000             | -        | -                     | -        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 2.140.148.405          | -        | 1.611.457.255         | -        |
| Thành phẩm                          | 8.329.353.953          | -        | 12.778.368.573        | -        |
| Hàng hóa                            | 47.999.527.665         | -        | 49.129.796.759        | -        |
| <b>Tổng</b>                         | <b>125.445.774.829</b> | -        | <b>98.803.761.346</b> | -        |

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0VND

Giá trị hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm cuối kỳ: 0VND



**4.8. Tài sản dở dang dài hạn**

|                                                                 | <b>Số cuối năm<br/>VND</b> | <b>Số đầu năm<br/>VND</b> |
|-----------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| <b><i>Xây dựng cơ bản dở dang</i></b>                           |                            |                           |
| Hệ thống trang trại chăn nuôi gia cầm                           | 20.079.500.508             | 20.079.500.508            |
| Dự án tại Nà Mo, Mai Châu, Hòa Bình                             | 6.000.000.000              | 6.000.000.000             |
| Dự án nhà xưởng SX đồ gỗ tại Sơn Tây, Hà Nội                    | -                          | 6.033.180.000             |
| Xây dựng nâng cấp nhà xưởng SX gỗ tại Đông Sơn, Chương Mỹ       | -                          | 17.319.297.952            |
| Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Jade De Mai Châu - The Legends | -                          | 15.875.524.425            |
| Tổ hợp nhà máy SX gỗ BKG Việt Nam                               | 15.811.667.486             | 15.350.551.961            |
| Dự án khác                                                      | 362.238.946                | 35.851.967                |
| <b>Tổng</b>                                                     | <b>42.253.406.940</b>      | <b>80.693.906.813</b>     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

Mẫu số B09-DN/HN

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục                     | Nhà cửa,       |                        | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cây ăn quả lâu năm | Tổng           |
|-------------------------------|----------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------|----------------|
|                               | Nguyên giá     | Nhà cửa, vật kiến trúc |                                 |                           |                    |                |
| <b>Số dư đầu năm</b>          | 595.338.895    | 29.132.372.851         | 5.606.244.363                   | 955.560.188               | 8.210.715.199      | 44.500.231.496 |
| <b>Tăng trong năm</b>         | 17.365.544.141 | 320.322.116            | -                               | -                         | -                  | 17.685.866.257 |
| <b>Mua trong năm</b>          | -              | 320.322.116            | -                               | -                         | -                  | 320.322.116    |
| <b>Đầu tư XDCB hoàn thành</b> | 17.365.544.141 | -                      | -                               | -                         | -                  | 17.365.544.141 |
| <b>Giảm trong năm</b>         | -              | -                      | 907.569.091                     | -                         | 648.208.829        | 1.555.777.920  |
| <b>Thanh lý, nhượng bán</b>   | -              | -                      | -                               | -                         | 648.208.829        | 648.208.829    |
| <b>Giảm khác</b>              | -              | -                      | 907.569.091                     | -                         | -                  | 907.569.091    |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | 17.960.883.036 | 29.452.694.967         | 4.698.675.272                   | 955.560.188               | 7.562.506.370      | 60.630.319.833 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                |                        |                                 |                           |                    |                |
| <b>Số dư đầu năm</b>          | 214.949.385    | 23.952.544.627         | 3.914.462.400                   | 584.692.437               | 1.775.045.406      | 30.441.694.255 |
| <b>Tăng trong năm</b>         | 40.660.594     | 2.458.282.723          | 382.889.184                     | 161.382.679               | 756.250.632        | 3.799.465.812  |
| <b>Khấu hao trong năm</b>     | 40.660.594     | 2.458.282.723          | 382.889.184                     | 161.382.679               | 756.250.632        | 3.799.465.812  |
| <b>Giảm trong năm</b>         | -              | -                      | 314.314.916                     | -                         | 648.208.829        | 962.523.745    |
| <b>Thanh lý, nhượng bán</b>   | -              | -                      | -                               | -                         | 648.208.829        | 648.208.829    |
| <b>Giảm khác</b>              | -              | -                      | 314.314.916                     | -                         | -                  | 314.314.916    |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | 255.609.979    | 26.410.827.350         | 3.983.036.668                   | 746.075.116               | 1.883.087.209      | 33.278.636.322 |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                |                        |                                 |                           |                    |                |
| <b>Tại ngày đầu năm</b>       | 380.389.510    | 5.179.828.224          | 1.691.781.963                   | 370.867.751               | 6.435.669.793      | 14.058.537.241 |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>      | 17.705.273.057 | 3.041.867.617          | 715.638.604                     | 209.485.072               | 5.679.419.161      | 27.351.683.511 |

Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 642.463.333 VND; tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 1.967.679.644 VND

Nguyên giá TSCĐHH đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 30.980.000 VND; tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 14.487.696.581 VND

**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục              | Quyền sử dụng    | Tổng             |
|------------------------|------------------|------------------|
|                        | đất              |                  |
| Nguyên giá             |                  |                  |
| Số dư đầu kỳ           | 42.430.970.250   | 42.430.970.250   |
| Thanh lý, nhượng bán   | (19.618.470.250) | (19.618.470.250) |
| Số dư cuối kỳ          | 22.812.500.000   | 22.812.500.000   |
| Giá trị hao mòn lũy kế |                  |                  |
| Số dư đầu kỳ           | -                | -                |
| Số dư cuối kỳ          | -                | -                |
| Giá trị còn lại        |                  |                  |
| Tại ngày đầu kỳ        | 42.430.970.250   | 42.430.970.250   |
| Tại ngày cuối kỳ       | 22.812.500.000   | 22.812.500.000   |

Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 0 VND

Nguyên giá TSCĐVH đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 0 VND

**4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục                           | Số dư tại đầu  | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số dư tại cuối |
|-------------------------------------|----------------|---------------|---------------|----------------|
|                                     | kỳ             |               |               | kỳ             |
| <b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b> |                |               |               |                |
| Nguyên giá                          | 24.840.129.972 | -             | -             | 24.840.129.972 |
| Nhà và quyền sử dụng đất            | 24.840.129.972 | -             | -             | 24.840.129.972 |
| Giá trị hao mòn lũy kế              | 3.858.817.982  | 887.147.472   | -             | 4.745.965.454  |
| Nhà và quyền sử dụng đất            | 3.858.817.982  | 887.147.472   | -             | 4.745.965.454  |
| Giá trị còn lại                     | 20.981.311.990 |               |               | 20.094.164.518 |
| Nhà và quyền sử dụng đất            | 20.981.311.990 |               |               | 20.094.164.518 |

Giá trị còn lại của BĐSĐT đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 0 VND.

Nguyên giá BĐSĐT đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 0 VND.

**4.12. Chi phí trả trước**

|                                                   | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|---------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                   | VND                | VND                |
| <b>Ngắn hạn</b>                                   | <b>289.541.918</b> | <b>271.482.263</b> |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí chờ phân bổ | 289.541.918        | 271.482.263        |
| <b>Dài hạn</b>                                    | <b>56.936.609</b>  | <b>174.059.442</b> |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí chờ phân bổ | 56.936.609         | 174.059.442        |
| <b>Tổng</b>                                       | <b>346.478.527</b> | <b>445.541.705</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**4.13. Vay và nợ thuê tài chính**

|                                                                                  | Số cuối năm           |                |                | Phát sinh trong kỳ |                |                | Số đầu năm |                       | Đơn vị tính: VND |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------|----------------|--------------------|----------------|----------------|------------|-----------------------|------------------|
|                                                                                  | Số có khả năng trả nợ |                |                |                    |                |                | Giá gốc    | Số có khả năng trả nợ |                  |
|                                                                                  | Giá gốc               |                | Tăng           | Giảm               |                |                |            |                       |                  |
| <b>Ngắn hạn</b>                                                                  |                       |                |                |                    |                |                |            |                       |                  |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                                                              |                       |                |                |                    |                |                |            |                       |                  |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Chương Mỹ Hà Tây (1) | 30.604.905.969        | 30.604.905.969 | 30.551.720.566 | 15.590.086.597     | 15.643.272.000 | 15.643.272.000 |            | 15.643.272.000        |                  |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (4)                                              | 30.266.348.566        | 30.266.348.566 | 30.266.348.566 | 14.949.000.000     | 14.949.000.000 | 14.949.000.000 |            | 14.949.000.000        |                  |
| <b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>                                                    |                       |                |                |                    |                |                |            |                       |                  |
| Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) - CN Hà Nội (2)                | 18.585.098.566        | 18.585.098.566 | 18.585.098.566 | -                  | -              | -              |            | -                     |                  |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam                                    | 338.557.403           | 338.557.403    | 285.372.000    | 641.086.597        | 694.272.000    | 694.272.000    |            | 694.272.000           |                  |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô - PGD Văn Quán (3)       | 250.024.000           | 250.024.000    | 196.972.000    | 359.460.000        | 412.512.000    | 412.512.000    |            | 412.512.000           |                  |
| <b>Dài hạn</b>                                                                   |                       |                |                |                    |                |                |            |                       |                  |
| Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (2)                        | -                     | -              | -              | 101.760.000        | 101.760.000    | 101.760.000    |            | 101.760.000           |                  |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô - PGD Văn Quán (3)       | 88.533.403            | 88.533.403     | 88.400.000     | 179.866.597        | 180.000.000    | 180.000.000    |            | 180.000.000           |                  |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam                                    | 17.869.000            | 17.869.000     | -              | 590.092.000        | 607.961.000    | 607.961.000    |            | 607.961.000           |                  |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô - PGD Văn Quán (3)       | 17.869.000            | 17.869.000     | -              | 196.972.000        | 214.841.000    | 214.841.000    |            | 214.841.000           |                  |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam                                    | -                     | -              | -              | 88.400.000         | 88.400.000     | 88.400.000     |            | 88.400.000            |                  |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam                                    | -                     | -              | -              | 304.720.000        | 304.720.000    | 304.720.000    |            | 304.720.000           |                  |

- (1) Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 2206-LAV-202400540 ngày 31 tháng 05 năm 2024 cùng các Phụ lục đính kèm. Hạn mức tín dụng 15 tỷ đồng và 14 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích sử dụng để mua nguyên vật liệu sản xuất đồ gỗ nội thất và các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty. Lãi suất theo giấy nhận nợ và theo quy định của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ. Trả lãi cuối kỳ cùng trả gốc.
- (2) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (nay là Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Hà Nội) theo các hợp đồng:
- a. Hợp đồng tín dụng số 1250924/2017/HETD-DN/PGBankHN ngày 05/06/2017. Số tiền vay 636 triệu đồng, thời hạn 84 tháng; Lãi suất: 9,49%/hăm trong 18 tháng đầu tiên. Sau 18 tháng điều chỉnh 3 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất cho vay tối thiểu do Tổng Giám đốc PGBank quy định đối với hạng khách hàng tại thời điểm điều chỉnh; Mục đích vay: mua ô tô theo HĐ kinh tế số 65005/P-1 giữa Công ty CP Gỗ BKG và Công ty CP kinh doanh ô tô Thủ Đô ký ngày 11/05/2017; Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ của 01 xe ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu FORD, số loại: Ranger BKS: 29C-767.01; Số dư tại ngày 31/12/2024: 0 VND.

- b. Hợp đồng tín dụng số 1250218/2019/HĐTD-PN/PG BankHN ngày 01/02/2019; Số tiền vay 1,5 tỷ đồng, thời hạn 84 tháng; Lãi suất: 9,49%/năm tại thời điểm rút vốn, sau 12 tháng được điều chỉnh 3 tháng/lần được tiết kiệm kỳ hạn 18 tháng cộng biên độ 4%/năm; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua xe ô tô số: 18/2019/HĐMB-BMWLB ngày 18/01/2019; Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay; Số dư tại 31/12/2024: 232.153.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả: 17.869.000 VND.
- c. Hợp đồng tín dụng số 1252962/2018/HĐTD-DN/PGBankHN. Khế ước nhận nợ số 1252962-01/2018 KUNN-DN/PGBankHN ngày 26/04/2018; Số tiền vay 751,5 triệu đồng, thời hạn 84 tháng; Lãi suất: Theo khế ước nhận nợ; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô; Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay; Số dư tại 31/12/2024: 35.740.000 VND.
- (3) Vay đồng cho vay giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đông Đô - PGD Văn Quán số 250620-6292080-01-SME ngày 29/06/2020. Số tiền vay: 898.400.000 đồng, thời hạn 60 tháng; Lãi suất: 12,2%/năm; Mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua ô tô xe ô tô Mitsubishi Triton 4x4 MT và 01 xe ô tô Mitsubishi Triton 4x2 AT phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty; Tài sản đảm bảo: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số khung MMBJLKK10LH016171, BKS: 29H-398.39 và 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số khung MMBJNKL30KH050864, BKS: 29H-397.33.
- (4) Vay ngắn hạn ngân hàng SHB theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0105/2024/HĐTDHN-PN/SHB.110500 ngày 02/10/2024; Số tiền vay: 22.500.000.000 VND; thời hạn vay: từ 21/10/2024 đến 10/05/2025; Lãi suất vay quy định trên từng Khế ước nhận nợ; Mục đích vay: vay hoặc bảo lãnh thanh toán các chi phí đầu vào để thực hiện phương án đầu ra tài trợ LC xuất khẩu số 882.H1936100 do Ngân hàng CREDIT AGRICOLE phát hành ngày 27/08/2024; Vay thanh toán các khoản thuế xuất khẩu liên quan tới đơn hàng theo LC số 882.H1936100 do Ngân hàng CREDIT AGRICOLE phát hành ngày 27/08/2024; Thanh toán các chi phí lương nhân công sản xuất trực tiếp; tài sản đảm bảo: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc xuất khẩu Framework Contract For Commercial Relationship 2024 ký ngày 01/01/2024 kèm theo các đơn đặt hàng giữa CTCP Gỗ BKG và B.U.T Sourcing Limited; và Thông báo L/C số 882.H1936100 do Ngân hàng phát hành ngày 27/08/2024 theo Điện thư MT số 710 ELC2412092 và 711 ELC2412092 của Ngân hàng Vietcombank gửi Ngân hàng SHB.

4.14. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

| Ngắn hạn                                       | Số cuối năm           |               | Số đầu năm            |               |
|------------------------------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
|                                                | Số có khả năng trả nợ |               | Số có khả năng trả nợ |               |
|                                                | Giá trị               | trả nợ        | Giá trị               | trả nợ        |
| Công ty Cổ phần lâm nghiệp Hòa Phát            | 5.716.254.468         | 5.716.254.468 | 5.634.214.386         | 5.634.214.386 |
| Công ty TNHH XNK An Việt Mỹ                    | 1.233.825.000         | 1.233.825.000 | 1.233.825.000         | 1.233.825.000 |
| Trung tâm Thiết kế quy hoạch xây dựng Hòa Bình | -                     | -             | 1.610.338.704         | 1.610.338.704 |
| CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN ÉP TÂY HÀ NỘI  | -                     | -             | 382.807.000           | 382.807.000   |
| CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BAO BÌ THẮNG LONG        | 1.766.448.000         | 1.766.448.000 | 370.625.700           | 370.625.700   |
| Đối tượng khác                                 | 581.269.616           | 581.269.616   | -                     | -             |
| Tổng                                           | 2.134.711.852         | 2.134.711.852 | 2.036.617.982         | 2.036.617.982 |
|                                                | 5.716.254.468         | 5.716.254.468 | 5.634.214.386         | 5.634.214.386 |



4.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

|                            | Số đầu năm           | Phát sinh trong kỳ    |                       | Số cuối năm          |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
|                            |                      | Số phải nộp           | Số đã nộp             |                      |
| Thuế GTGT đầu ra           | -                    | 19.236.821.658        | 19.236.821.658        | -                    |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 2.835.886.148        | 3.601.468.394         | 3.108.890.101         | 3.328.464.441        |
| Thuế khác                  | -                    | 109.658.178           | 109.658.178           | -                    |
| <b>Tổng</b>                | <b>2.835.886.148</b> | <b>23.117.948.230</b> | <b>22.625.369.937</b> | <b>3.328.464.441</b> |

4.16. Người mua trả tiền trước

|                                     | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND    |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                     | <b>1.944.409.977</b> | <b>4.819.323.893</b> |
| Trần Thị Thùy Linh                  | -                    | 510.697.868          |
| CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CHAPA       | 522.828.000          | -                    |
| Công ty CP Tập đoàn Nhựa Bình Thuận | -                    | -                    |
| Hà Thị Yến                          | -                    | 3.000.000.000        |
| Công ty TNHH Wedecor                | -                    | 715.076.250          |
| CÔNG TY CỔ PHẦN HLC VIỆT NAM        | 492.192.000          | 24.559.200           |
| Bùi Gia Huy                         | 200.000.000          | -                    |
| Đỗ Thị Thanh Thảo                   | 228.920.000          | -                    |
| Vidaxl Trading (HK) LTD (Vidaxl)    | 391.881.726          | -                    |
| Đối tượng khác                      | 108.588.251          | 568.990.575          |
| <b>Tổng</b>                         | <b>1.944.409.977</b> | <b>4.819.323.893</b> |

4.17. Chi phí phải trả

|                             | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND  |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>             | <b>532.272.469</b> | <b>429.668.098</b> |
| Trích trước chi phí lãi vay | 532.272.469        | 429.668.098        |
| <b>Tổng</b>                 | <b>532.272.469</b> | <b>429.668.098</b> |

4.18. Doanh thu chưa thực hiện

|                          | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND    |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>          | <b>1.080.000.000</b> | <b>1.080.000.000</b> |
| Doanh thu cho thuê xưởng | 1.080.000.000        | 1.080.000.000        |
| <b>Dài hạn</b>           | <b>-</b>             | <b>1.080.000.000</b> |
| Doanh thu cho thuê xưởng | -                    | 1.080.000.000        |
| <b>Tổng</b>              | <b>1.080.000.000</b> | <b>2.160.000.000</b> |

4.19. Phải trả khác

|                      | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND  |
|----------------------|----------------------|--------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>      | <b>1.299.916.600</b> | <b>905.030.820</b> |
| Bảo hiểm xã hội      | 1.187.048.934        | 824.120.954        |
| Bảo hiểm y tế        | 78.653.754           | 56.739.839         |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 34.213.912           | 24.170.027         |
| <b>Tổng</b>          | <b>1.299.916.600</b> | <b>905.030.820</b> |

4.20. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục                   | Vốn góp của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng                   |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Số dư đầu năm trước</b>  | <b>681.999.830.000</b> | <b>36.703.322.571</b>             | <b>153.005.227.564</b>          | <b>871.708.380.135</b> |
| Lãi trong năm trước         | -                      | 10.540.548.000                    | 229.799.895                     | 10.770.347.895         |
| Chia cổ tức                 | -                      | (598.000.000)                     | -                               | (598.000.000)          |
| <b>Số dư đầu kỳ này</b>     | <b>681.999.830.000</b> | <b>46.645.870.571</b>             | <b>153.235.027.459</b>          | <b>881.880.728.030</b> |
| Tăng vốn trong kỳ từ cổ tức | 34.090.370.000         | -                                 | -                               | 34.090.370.000         |
| Lãi trong kỳ này            | -                      | 14.559.252.016                    | 310.036.890                     | 14.869.288.906         |
| Tăng khác                   | -                      | 147.959.897                       | -                               | 147.959.897            |
| Thoái vốn tại công ty con   | -                      | -                                 | (144.955.812.074)               | (144.955.812.074)      |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu   | -                      | (34.090.370.000)                  | -                               | (34.090.370.000)       |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>        | <b>716.090.200.000</b> | <b>27.262.712.484</b>             | <b>8.589.252.275</b>            | <b>751.942.164.759</b> |

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

|                              | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Trần Công Thành              | 132.825.000.000        | 126.500.000.000        |
| Nguyễn Văn Hưng              | 107.415.000.000        | 102.300.000.000        |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 475.850.200.000        | 453.199.830.000        |
| <b>Tổng</b>                  | <b>716.090.200.000</b> | <b>681.999.830.000</b> |

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

|                                  | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND |
|----------------------------------|-----------------------|------------------|
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> |                       |                  |
| Vốn góp tại đầu kỳ               | 681.999.830.000       | 681.999.830.000  |
| Vốn góp tăng trong kỳ            | 34.090.370.000        | -                |
| Vốn góp giảm trong năm           | -                     | -                |
| Vốn góp tại cuối kỳ              | 716.090.200.000       | 681.999.830.000  |
| <b>Cổ tức đã chia</b>            | <b>34.090.370.000</b> | <b>-</b>         |

*Cổ phiếu*

|                                               | Số cuối năm<br>Cổ phiếu | Số đầu năm<br>Cổ phiếu |
|-----------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>    | <b>71.609.020</b>       | <b>68.199.983</b>      |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b> | <b>71.609.020</b>       | <b>68.199.983</b>      |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 71.609.020              | 68.199.983             |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>        | <b>71.609.020</b>       | <b>68.199.983</b>      |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 71.609.020              | 68.199.983             |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu) | 10.000                  | 10.000                 |



**4.21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

|                            | Giá trị<br>nguyên tệ | Khối lượng<br>theo đơn vị<br>trong nước | Khối lượng<br>theo đơn vị<br>quốc tế<br>(Oz) | Giá trị<br>(USD) |
|----------------------------|----------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|------------------|
| Ngoại tệ<br>Đô la Mỹ (USD) | 491,05               | -                                       | -                                            | 491,05           |

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN DỘ**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                          | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa                   | 129.792.285.459        | 146.760.125.704        |
| Doanh thu bán thành phẩm                 | 125.982.943.721        | 37.879.413.132         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ               | 5.941.423.631          | 1.534.211.444          |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | 27.010.000.000         | -                      |
| <b>Tổng</b>                              | <b>288.726.652.811</b> | <b>186.173.750.280</b> |

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                   | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND  |
|-------------------|----------------|-------------------|
| Giảm giá hàng bán | -              | 52.637.187        |
| <b>Tổng</b>       | <b>-</b>       | <b>52.637.187</b> |

**5.3. Giá vốn hàng bán**

|                             | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng hóa            | 116.780.086.331        | 132.521.447.085        |
| Giá vốn thành phẩm          | 114.160.706.590        | 27.724.500.298         |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ    | 3.997.534.491          | 1.576.025.493          |
| Giá vốn bất động sản đầu tư | 25.651.650.250         | -                      |
| <b>Tổng</b>                 | <b>260.589.977.662</b> | <b>161.821.972.876</b> |

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                    | Năm nay<br>VND     | Năm trước<br>VND     |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay         | 71.345.885         | 146.781.602          |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia        | 670.000.000        | 1.540.000.000        |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 116.527.055        | 8.749.685            |
| <b>Tổng</b>                        | <b>857.872.940</b> | <b>1.695.531.287</b> |

**5.5. Chi phí tài chính**

|                                           | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|-------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay                              | 1.305.074.944        | 1.662.374.619        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ | 5.335                | 1.671.655            |
| <b>Tổng</b>                               | <b>1.305.080.279</b> | <b>1.664.046.274</b> |

5.6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                     | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND      |
|-------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b> | <b>5.378.770.477</b> | <b>6.456.959.771</b>  |
| Chi phí nhân viên quản lý           | 2.067.653.050        | 1.966.959.921         |
| Chi phí vật liệu quản lý            | -                    | 236.195.587           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng           | 85.838.456           | -                     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định    | 788.883.504          | 738.661.346           |
| Thuế, phí và lệ phí                 | 15.726.365           | 23.000.000            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 2.396.633.772        | 1.724.264.386         |
| Chi phí khác bằng tiền              | 24.035.330           | 116.942.539           |
| <b>Chi phí bán hàng</b>             | <b>2.896.635.534</b> | <b>3.712.584.409</b>  |
| Chi phí nhân viên                   | 1.424.615.885        | 1.985.258.444         |
| Chi phí nguyên vật liệu, bao bì     | 68.244.069           | -                     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định    | 23.096.673           | 23.096.664            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 1.380.678.907        | 1.664.426.991         |
| Chi phí khác bằng tiền              | -                    | 39.802.310            |
| <b>Tổng</b>                         | <b>8.275.406.011</b> | <b>10.169.544.180</b> |

5.7. Thu nhập khác

|                         | Năm nay<br>VND     | Năm trước<br>VND  |
|-------------------------|--------------------|-------------------|
| Các khoản thu nhập khác | 227.456.128        | 29.177.211        |
| <b>Tổng</b>             | <b>227.456.128</b> | <b>29.177.211</b> |

5.8. Chi phí khác

|                                              | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND   |
|----------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Các khoản bị phạt hành chính và chi phí khác | 1.185.056.583        | 562.730.662        |
| <b>Tổng</b>                                  | <b>1.185.056.583</b> | <b>562.730.662</b> |

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

|                                                                    | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|--------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành | 3.587.172.438        | 2.857.179.702        |
| <b>Tổng</b>                                                        | <b>3.587.172.438</b> | <b>2.857.179.702</b> |

5.10. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

|                                                                 | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                | 14.559.252.016 | 10.540.548.000   |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 14.559.252.016 | 10.540.548.000   |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ             | 69.969.702     | 68.199.983       |
| Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu                           | 208,08         | 154,55           |



**5.11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND      |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 113.605.291.709        | 32.106.948.077        |
| Chi phí nhân công                | 8.084.305.973          | 12.750.010.930        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.815.232.047          | 6.445.686.054         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 5.762.460.945          | 4.016.837.648         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 190.286.873            | 5.177.596.426         |
| <b>Tổng</b>                      | <b>131.457.577.546</b> | <b>60.497.079.135</b> |

**6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**6.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

**6.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

| Bên liên quan        | Mối quan hệ                         |
|----------------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Công Thành  | Chủ tịch HĐQT                       |
| Ông Nguyễn Văn Hưng  | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc     |
| Ông Dương Tất Thắng  | Thành viên HĐQT                     |
| Ông Nguyễn Quang Duy | Thành viên HĐQT                     |
| Ông Nguyễn Minh Hải  | Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đặng Phước Đức   | Trưởng ban kiểm soát                |
| Bà Phan Thị Thu Hà   | Thành viên BKS                      |
| Ông Tạ Quang Dũng    | Thành viên BKS                      |

**Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

|                     | Năm nay<br>VND     | Năm trước<br>VND   |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| Ông Nguyễn Văn Hưng | 145.137.281        | 140.092.849        |
| Ông Đặng Phước Đức  | 122.408.367        | 119.404.804        |
| Ông Tạ Quang Dũng   | 92.361.127         | 90.962.840         |
| <b>Tổng</b>         | <b>359.906.774</b> | <b>350.460.493</b> |

### 6.3. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

#### Các loại công cụ tài chính

|                                      | Giá trị ghi sổ         |                        |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                      | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 43.620.737.013         | 81.229.214.294         |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 146.445.156.830        | 162.101.901.416        |
| <b>Tổng</b>                          | <b>190.065.893.843</b> | <b>243.331.115.710</b> |
| <b>Công nợ tài chính</b>             |                        |                        |
| Các khoản vay                        | 30.622.774.969         | 16.251.233.000         |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 7.016.171.068          | 6.539.245.206          |
| Chi phí phải trả                     | 532.272.489            | 429.668.098            |
| <b>Tổng</b>                          | <b>38.171.218.506</b>  | <b>23.220.146.304</b>  |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### Rủi ro tín dụng



Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

#### Công nợ tài chính

|                                     | Dưới 1 năm<br>VND | Từ 1- 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND    |
|-------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|
| <b>Số cuối năm</b>                  |                   |                    |                |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 7.016.171.068     | -                  | 7.016.171.068  |
| Chi phí phải trả                    | 532.272.469       | -                  | 532.272.469    |
| Các khoản vay                       | 30.604.905.969    | 17.869.000         | 30.622.774.969 |
| <b>Số đầu năm</b>                   |                   |                    |                |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 6.539.245.206     | -                  | 6.539.245.206  |
| Chi phí phải trả                    | 429.668.098       | -                  | 429.668.098    |
| Các khoản vay                       | 15.643.272.000    | 607.961.000        | 16.251.233.000 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

#### Tài sản tài chính

|                                      | Dưới 1 năm<br>VND | Từ 1- 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND     |
|--------------------------------------|-------------------|--------------------|-----------------|
| <b>Số cuối năm</b>                   |                   |                    |                 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 43.620.737.013    | -                  | 43.620.737.013  |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 146.380.667.539   | 64.489.291         | 146.445.156.830 |
| <b>Số đầu năm</b>                    |                   |                    |                 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 81.229.214.294    | -                  | 81.229.214.294  |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 162.047.395.625   | 54.505.791         | 162.101.901.416 |

#### 6.4. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

|                                                       | Hàng hóa        | Thành phẩm      | Khác           | Tổng                   |
|-------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|----------------|------------------------|
| <b>Doanh thu thuần ra bên ngoài</b>                   | 129.792.285.459 | 125.982.943.721 | 32.951.423.631 | <b>288.726.652.811</b> |
| <b>Chi phí bộ phận</b>                                | 116.780.086.331 | 114.160.706.590 | 29.649.184.741 | <b>260.589.977.662</b> |
| <b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>                     | 13.012.199.128  | 11.822.237.131  | 3.302.238.890  | <b>28.136.675.149</b>  |
| <b>Chi phí và thu nhập không phân bổ theo bộ phận</b> |                 |                 |                | <b>13.267.386.243</b>  |
| Lãi tiền gửi                                          |                 |                 |                | 857.872.940            |
| Chi phí tài chính                                     |                 |                 |                | 1.305.080.279          |
| Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp              |                 |                 |                | 8.275.406.011          |
| Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD              |                 |                 |                | (957.600.455)          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                            |                 |                 |                | 3.587.172.438          |
| <b>Lợi nhuận trong năm</b>                            |                 |                 |                | <b>14.869.288.906</b>  |

**6.5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

**PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC**  
Người lập biểu

**PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN VĂN HƯNG**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2025





# BKG VIETNAM

*Gửi gắm niềm tự hào trong từng sản phẩm*

 Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, Đ. Tố Hữu,  
KĐT Văn Khê, phường La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

 (024) 2283 2468

 [Info@BKGVietnam.com](mailto:Info@BKGVietnam.com)

